

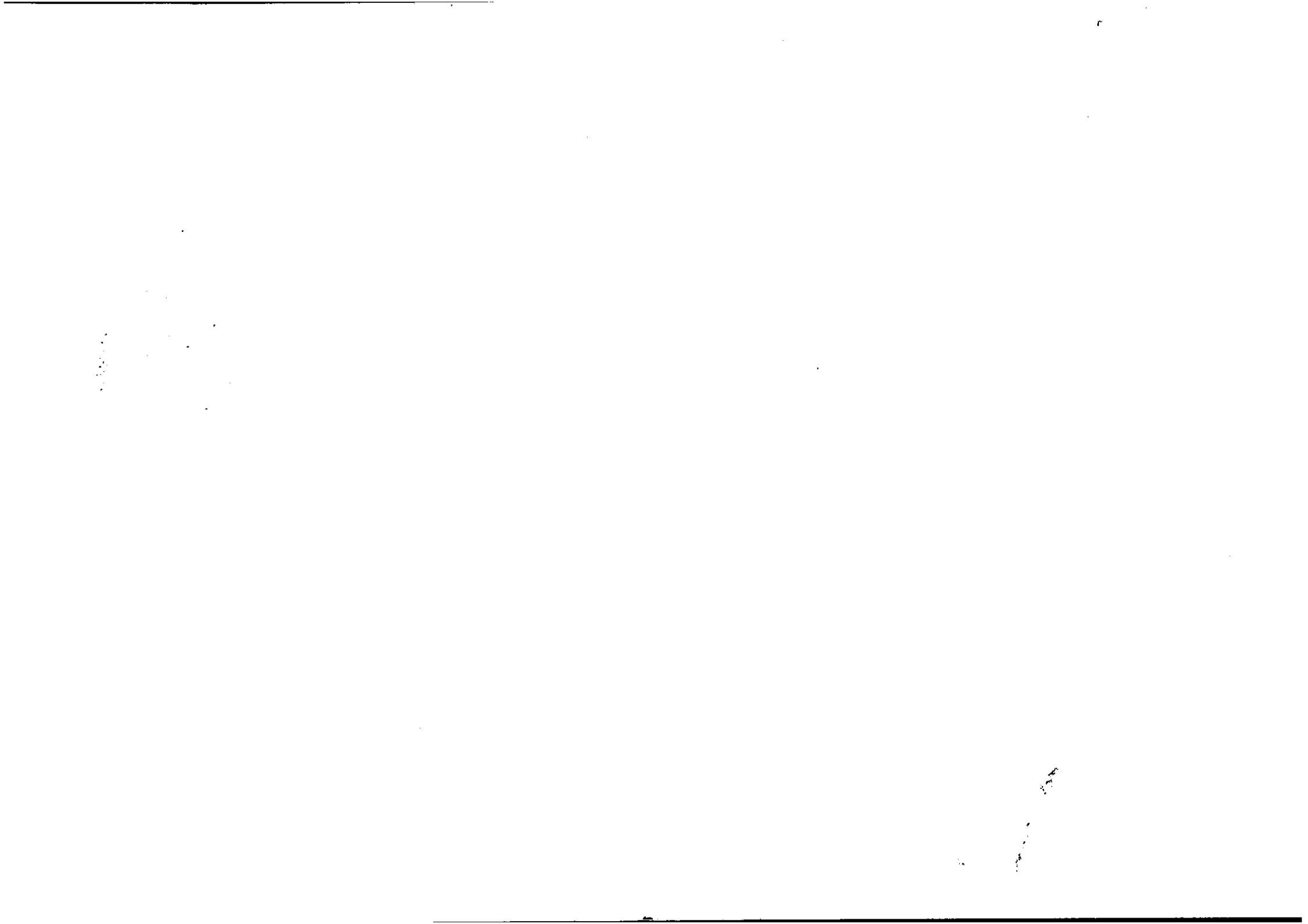
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

----- CS 80 -----

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình : Sư phạm Địa lý
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Sư phạm Địa lý
Mã ngành : 7140219

THANH HÓA, 8/2021



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC
Số 10 /QĐ-ĐHHD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 01 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý trình độ đại học theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học áp dụng cho khóa tuyển sinh từ tháng 8/2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Khung chương trình đào tạo theo khối ngành, nhóm ngành đào tạo đại học, cao đẳng định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học tại Trường Đại học Hồng Đức (theo Quyết định số 1270/QĐ-ĐHHD ngày 09/8/2017 và Quyết định số 1285/QĐ-ĐHHD ngày 16/8/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức);

Căn cứ Văn bản đề nghị của khoa Khoa học Xã hội về việc điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo ngành DH Sư phạm Địa lý; Biên bản họp Hội đồng Thẩm định CTĐT ngành DH Sư phạm Địa lý, Biên bản thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhà trường;
Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý, trình độ đại học theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học, áp dụng cho khóa tuyển sinh từ tháng 8/2021 (Có chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Trưởng khoa, Trưởng bộ môn quản lý học phần có trách nhiệm xây dựng, thẩm định và phê duyệt đề cương chi tiết học phần theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa Khoa học Xã hội, các bộ môn liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, QLĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lê Hoàng Bá Huyền



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Sư phạm Địa lí. Trình độ: Đại học

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

1.1. Lịch sử chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Địa lí được xây dựng lần đầu vào năm 2016 có 126TC. Chương trình đã được điều chỉnh lần 2 vào năm 2018 còn 120TC cho K20, 21 ĐHSP Địa lí; điều chỉnh lần 3 vào năm 2019 lên 121TC cho K22, 23; điều chỉnh lần 4 (năm 2021) lên 126TC. Chương trình được điều chỉnh nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đại học và thực hiện các chương trình về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam.

Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Địa lí được tham khảo từ CTĐT của các trường đại học tiên tiến như: Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, Trường ĐH Thái Nguyên, Trường Đại học Sư phạm Huế, Trường Đại học Vinh.

1.2. Cấu trúc chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo ĐHSP Địa lí có tổng số 126 tín chỉ (TC) gồm 49 học phần (không kể GDTC và GDQP), trong đó có 39 học phần bắt buộc (101 tín chỉ) và 10 học phần thay thế/tự chọn (25 tín chỉ), được chia thành 2 khối kiến thức: Khối kiến thức chung 35 tín chỉ; Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 91 tín chỉ (trong đó có kiến thức rèn nghề, thực tập 07 tín chỉ gồm 02 tín chỉ kiến tập sư phạm và 05 tín chỉ thực tập sư phạm; kiến thức Khóa luận/học phần thay thế 06 tín chỉ).

Toàn bộ chương trình đào tạo được phân bố trong 8 học kỳ (Kỳ 1: gồm 06 học phần, 16 tín chỉ; Kỳ 2: gồm 07 học phần, 18 tín chỉ; Kỳ 3: gồm 06 học phần, 16 tín chỉ; Kỳ 4: gồm 07 học phần, 15 tín chỉ; Kỳ 5: gồm 06 học phần, 15 tín chỉ, trong đó có một HP Kiến tập sư phạm 2 TC; Kỳ 6: gồm 06 học phần, 17 tín chỉ; Kỳ 7: gồm 09 học phần, 18 tín chỉ; và Kỳ 8: 11 tín chỉ, gồm thực tập sư phạm 05 tín chỉ và 02 học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp 06 tín chỉ).

1.3. Đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất:

- Đội ngũ giảng viên: gồm 12 người, trong đó có 01 PGS; 07 TS; 01 NCS và 03 ThS
- Cơ sở vật chất:
 - + Phòng học đa năng có thể áp dụng học theo phương pháp tích cực: Có máy chiếu đa năng, loa đài, tăng âm, máy vi tính nối mạng, cài đặt các phần mềm ứng dụng, có bảng lớn đa năng và các thiết bị dạy học khác;
 - + Phòng thực hành, gồm có: mô hình Bầu Trời, quả địa cầu, hệ thống bản đồ, tập bản đồ Địa lí, mẫu đá phục vụ thực hành địa chất; dụng cụ thực hành đo vẽ bản đồ, thực hành địa chất;
 - + Thư viện điện tử đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo; giáo trình và tài liệu tham khảo cho các môn học chính.

2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Sư phạm Địa lí
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Geography Teacher Education
Mã ngành đào tạo:	7140219
Trường cấp bằng tốt nghiệp:	Trường Đại học Hồng Đức
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân sư phạm
Trình độ đào tạo:	Đại học
Số tín chỉ:	126
Hình thức đào tạo:	Chính quy, Liên thông, Vừa làm vừa học
Thời gian đào tạo:	4 năm
Đổi tương tuyển sinh:	Xét tuyển kết quả thi THPT quốc gia và xét tuyển theo quy định của Trường ĐH Hồng Đức
Thang điểm đánh giá:	10
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none"> - Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo 126 TC; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên; - Đạt chuẩn đầu ra của CTĐT - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất; - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ; - Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin.
Vị trí việc làm:	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy Địa lí tại các trường THCS, THPT, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề trong cả nước; - Làm việc ở một số viện nghiên cứu (Viện Địa lí, viện Chính Sách và Chiến lược phát triển Nông Nghiệp Nông thôn,...). - Giảng dạy Địa lí tại các trường đại học, cao đẳng, sau khi học lên bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ đáp ứng yêu cầu chuyên môn.
Học tập nâng cao trình độ:	Có khả năng học tập ở trình độ cao hơn về các chuyên Địa lí tự nhiên, Địa lí kinh tế-xã hội, Lý luận và phương pháp dạy học địa lí.
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT:	Tháng 8/2021

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí đào tạo giáo viên trình độ đại học có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; nắm vững tri thức lý luận của khoa học địa lí; biết liên hệ tri thức địa lí vào thực tiễn để vận dụng vào việc nghiên cứu và dạy học địa lí ở trường phổ thông; có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc chuyên môn; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, giải quyết được những vấn đề trong thực tiễn giảng dạy; có trách nhiệm nghề nghiệp và thích nghi với môi trường làm việc; có khả năng học lên ở những bậc học cao hơn để phát triển nghề nghiệp.

3.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Sinh viên được cung cấp hệ thống tri thức lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng; tạo dựng được niềm tin vững chắc vào vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

PO2: Người học nắm vững kiến thức Ngữ âm, Ngữ pháp, Từ vựng và các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh để có thể giao tiếp được bằng tiếng Anh trong đời sống và công việc.

PO3: Người học được cung cấp kiến thức cơ bản và kỹ năng về máy vi tính, hệ điều hành Microsoft Windows, mạng máy tính và Internet, các phần mềm tiện ích thông dụng (trình duyệt Web, thư điện tử), phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT).

PO4: Có kiến thức liên môn về lịch sử, văn hóa, xã hội và môi trường, từ đó vận dụng vào quá trình học tập và giảng dạy chuyên môn ở trường Trung học phổ thông và Trung học cơ sở.

PO5: Người học được cung cấp kiến thức về các đặc điểm tâm lý lứa tuổi, tâm lý học sư phạm, các kiến thức cơ bản về các hoạt động sư phạm trong nhà trường phổ thông, biết cách thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục, hoạt động phát triển nghề nghiệp trong trường phổ thông; Nắm vững những kiến thức về cơ cấu tổ chức, phân cấp, phân quyền trong các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, nắm vững luật, văn bản dưới luật liên quan đến hoạt động giáo dục; Vận dụng linh hoạt vào quá trình học tập và các hoạt động giáo dục trong tương lai.

PO6: Có kiến thức cơ bản về Trái đất và bản đồ: lịch sử hình thành, cấu tạo của Trái đất; cơ sở toán học và ngôn ngữ bản đồ; thiết kế, biên tập, biên vẽ và sử dụng bản đồ phục vụ giảng dạy, nghiên cứu ở trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

PO7: Có kiến thức cơ bản về Địa lí tự nhiên; Địa lí kinh tế - xã hội để nhận biết, giải thích, phân tích, đánh giá các thành phần, mối quan hệ, các quá trình, quy luật và sự thay đổi của hệ thống tự nhiên, hệ thống kinh tế - xã hội; nhận diện và giải thích được sự tương tác giữa các hệ thống tự nhiên với hệ thống kinh tế - xã hội ở các quy mô lãnh thổ phục vụ giảng dạy, nghiên cứu ở trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

PO8: Có kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp dạy học địa lí: quan điểm, mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học địa lí ở trường PT; xây dựng được kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá trong dạy học Địa lí; cải tiến hoạt động dạy học, chương trình môn Địa lí trong nhà trường. Có kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học, cách chọn đề tài, xây dựng kế hoạch nghiên cứu, đề cương nghiên cứu, báo cáo khoa học, cách trình bày một báo cáo NCKH.

PO9: Người học được trang bị kiến thức bổ trợ về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quản lý tài nguyên và môi trường địa phương phục vụ công việc chuyên môn ở các cơ sở ngoài giáo dục.

PO10: Yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức kỷ luật và tác phong chuẩn mực; có khả năng đưa ra sáng kiến, đánh giá, kết luận và cải tiến về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ dạy học Địa lí; có năng lực dẫn dắt về chuyên môn Địa lí, nghiệp vụ sư phạm; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có khả năng tự học, tự nghiên cứu để phát triển ở trình độ đào tạo cao hơn.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

PLO1: Sinh viên phân tích và đánh giá được những kiến thức lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng HCM, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước; vận dụng được những nguyên lý, những quy luật, những luận điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng HCM cũng như chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình học tập, tu dưỡng, rèn luyện của bản thân đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

PLO2: Sinh viên đạt được năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam.

PLO3: Người học trình bày được khái niệm về thông tin, các phương pháp biểu diễn thông tin; sử dụng thành thạo máy tính với hệ điều hành Windows; sử dụng thành thạo thư điện tử, tìm kiếm, xử lý thông tin trên Internet; sử dụng thành thạo phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT) phục vụ công tác chuyên môn.

PLO4: Trình bày được các kiến thức cơ bản về các nền văn minh trong lịch sử; những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; kiến thức cơ bản về chữ Hán, chữ Nôm; những vấn đề xã hội học đại cương; môi trường và con người, mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội. Vận dụng để luận giải các vấn đề lịch sử, văn hóa, xã hội và môi trường, giải quyết các vấn đề chuyên môn, liên môn trong giảng dạy ở trường Trung học phổ thông và Trung học cơ sở.

PO5: Trình bày được các đặc điểm tâm lý lứa tuổi, tâm lý học sư phạm, các kiến thức cơ bản về các hoạt động sư phạm trong nhà trường phổ thông; Thiết kế được kế hoạch và tổ chức thực hiện được kế hoạch hoạt động giáo dục; Vận dụng kiến thức tâm lý học, giáo dục học, quản lý hành chính nhà nước và quản lí giáo dục vào quá trình thực hiện nhiệm vụ nhà giáo, các hoạt động giáo dục trong các Nhà trường, các cơ sở GD-ĐT, phát triển năng lực nghề nghiệp và phong cách nhà giáo.

PLO6: Người học hiểu được kiến thức cơ bản về Trái đất và bản đồ. Vận dụng kiến thức Trái đất và bản đồ để phân tích lịch sử hình thành, cấu tạo của Trái đất; làm rõ được cơ sở toán học và ngôn ngữ bản đồ; khai thác được thông tin trên bản đồ địa lý; thiết kế, biên tập và biên vẽ bản đồ phục vụ nghiên cứu và dạy học địa lí.

PLO7: Người học trình bày được kiến thức cơ bản về Địa lí tự nhiên đại cương; địa lí tự nhiên các châu lục, Việt Nam và địa phương. Vận dụng để phân tích được các thành phần, mối quan hệ, các quá trình, quy luật và sự thay đổi của hệ thống tự nhiên ở các quy mô lãnh thổ; chỉ rõ sự tương tác giữa các hệ thống tự nhiên với hệ thống kinh tế - xã hội ở quy mô lãnh thổ khác nhau (toàn cầu, khu vực, quốc gia và địa phương); thể hiện được ý thức về sử dụng hợp lí TN và bao vệ MT bền vững.

PLO8: Người học trình bày được kiến thức cơ bản về Địa lí kinh tế-xã hội đại cương; địa lí kinh tế-xã hội thế giới, Việt Nam và địa phương. Vận dụng để phân tích được các thành phần, mối quan hệ, các quá trình, quy luật và sự thay đổi của hệ thống kinh tế - xã hội ở các quy mô lãnh thổ; chỉ rõ được sự tương tác giữa các hệ thống tự nhiên với hệ thống kinh tế - xã hội ở quy mô lãnh thổ khác nhau (toàn cầu, khu vực, quốc gia và địa phương); thể hiện tư duy biện chứng trong nghiên cứu địa lí kinh tế - xã hội theo hướng phát triển bền vững trong dạy học địa lí ở trường phổ thông.

PLO9: Trình bày được kiến thức về Thực tế địa lí tự nhiên, địa lí kinh tế-xã hội. Vận dụng kiến thức thực tế vào tổ chức học tập ở thực địa, sử dụng các công cụ thực địa, viết báo cáo kết quả thực tế.

PLO10: Vận dụng được kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học để đề xuất được vấn đề nghiên cứu về khoa học Địa lý; lựa chọn các phương pháp, công cụ nghiên cứu phù hợp với đề tài nghiên cứu; thực hiện được về cơ bản một quy trình nghiên cứu hoàn chỉnh (viết đề cương, trình bày văn bản...); báo cáo và bảo vệ được kết quả nghiên cứu.

PLO11: Vận dụng kiến thức cơ bản về ứng dụng công nghệ thông tin được trong dạy học địa lý để thiết kế bài giảng bằng các thiết bị dạy học hiện đại; xây dựng biểu đồ và phân tích SLTK Địa lí; sử dụng được phần mềm Mapinfor trong thành lập bản đồ phục vụ nghiên cứu và giảng dạy địa lí ở trường phổ thông.

PLO12: Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp dạy học địa lí vào phân tích quan điểm, mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học địa lí ở trường PT; xây dựng được kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá trong dạy học Địa lí. Biết thiết kế giáo án, sử dụng các phương pháp dạy tích cực trong môn địa lí ở trường PT, thực hành PPĐH; xây dựng nội dung đánh giá phù hợp cho từng bài dạy; hình thành kỹ năng thiết kế và sử dụng bài kiểm tra, đánh giá trong giảng dạy Địa lí bằng cả hình thức trực tiếp và trực tuyến; sử dụng được kết quả đánh giá để cải tiến hoạt động dạy học, chương trình môn Địa lí trong nhà trường.

PLO13: Vận dụng được kiến thức cơ bản về quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội; để tính toán các chỉ số và thiết kế phương án phát triển KT-XH; Vận dụng được kiến thức cơ

bản và quản lý tài nguyên và môi trường địa phương để phân tích các chỉ tiêu trong các tiêu chuẩn quy định quản lý môi trường; lập được hồ sơ đánh giá tác động môi trường phục vụ công việc chuyên môn ở các cơ sở ngoài giáo dục.

PLO14: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn về Địa lý; bảo vệ được quan điểm cá nhân, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

PLO15: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ; lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực tư vấn, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động, phát triển bản thân, chuyên môn nghiệp vụ và học tập suốt đời.

5. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

- Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương;
- Về tổ hợp xét tuyển: Dùng 4 tổ hợp:
 - + Toán- Lý- Hóa (A00);
 - + Văn- Sử- Địa (C00);
 - + Văn- Địa- GD công dân (C20);
 - + Văn- GD công dân- T. Anh (D66).
- Gắn với việc đáp ứng 02 yêu cầu tại khoản 1, 2 Điều 6 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT về quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

6. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu CTĐT	Chuẩn đầu ra của CTĐT														
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
PO1	3														
PO2		3													
PO3			3												
PO4				3											
PO5					3										
PO6						3									
PO7							3								
PO8								4	4						
PO9										4	4	4			
PO10													3		

Ghi chú:

- Đối với kiến thức: 1-Nhỏ; 2-Hiệu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Dánh giá; 6-Sáng tạo.
- Đối với kỹ năng: 1-Bất chức; 2-Thao tác/Vận dụng; 3-Chính xác; 4-Liên kết/Thành thạo; 5-Tự nhiên hóa/Ban nãng.
- Đối với năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: 1-Tiếp nhận; 2-Đáp ứng/Hỏi đáp; 3-Hình thành giá trị/Dánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tập hợp giá trị/Tinh cách.

7. Phương pháp dạy - học và phương thức kiểm tra đánh giá

7.1. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có số sĩ và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết theo chuẩn đầu ra học phần. Hàng năm, giảng viên cập nhật lại bài giảng, giáo trình, tìm hiểu và đưa vào những kiến thức và công nghệ mới trong dạy học vào giảng dạy.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy người học. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), phương pháp động sư não, đặt vấn đề, hoạt động nhóm, dự án, mô phỏng, nghiên cứu tình huống (áp dụng cho các tiết thảo luận, bài tập), phương pháp mô phỏng, thực nghiệm (áp dụng cho các tiết thực hành).

- Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học: Thực hiện thông qua tự đánh giá của giảng viên, phản hồi của SV và của đồng nghiệp. Thông qua kết quả thu được của mỗi bài giảng, bài kiểm tra, giảng viên tự đánh giá được chất lượng bài giảng và không ngừng tìm hiểu nâng cao kiến thức, kinh nghiệm thực tế cũng như phương pháp truyền thụ để cải tiến chất lượng dạy học. Ở buổi học đầu, giảng viên cung cấp thông tin cá nhân và các kênh liên lạc để trao đổi học thuật và nhận phản hồi góp ý từ sinh viên. Cuối kỳ giảng viên, bộ môn hoặc khoa sẽ phát phiếu để sinh viên đánh giá, góp ý toàn bộ quá trình giảng dạy. Mỗi học kỳ bộ môn và Khoa tổ chức dự giờ để đánh giá và góp ý giờ giảng. Bên cạnh đó, thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn học thuật, người dạy có được thông tin đa chiều trong việc cải tiến phương pháp dạy và học, cũng như đánh giá người học.

7.2. Các phương thức đánh giá

- Đánh giá quá trình: Được tiến hành thường xuyên dựa theo tiến trình đã được nêu trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả học phần của sinh viên. Hình thức đánh giá thông qua hỏi đáp nhanh, kiểm tra miệng, bài tập nhóm, bài kiểm tra 15 phút, câu hỏi trắc nghiệm.

- Đánh giá giữa kỳ: Được thực hiện trong khoảng tuần thứ 6 đến tuần 9 trong tiến trình đào tạo, đã được xác định trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 20% trong đánh giá kết quả học phần của sinh viên. Các hình thức đánh giá bao gồm: bài kiểm tra 1 tiết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn hoặc các dự án.

- Đánh giá cuối kỳ: Được thực hiện thông qua bài thi cuối kỳ do Phòng Quản lý đào tạo xếp lịch, trọng số 50% trong đánh giá kết quả học phần của sinh viên. Hình thức thi theo đề xuất của bộ môn và phải được Nhà trường phê duyệt, các hình thức bao gồm: viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số TC	Loại HP	Số TC
1	Kiến thức giáo dục đại cương: 35 tín chỉ	Bắt buộc	29
		Tự chọn	06
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 78 tín chỉ	Bắt buộc	65
		Tự chọn	13
3	Kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm: 07 tín chỉ	Bắt buộc	07
		Tự chọn	0
4	Khóa luận/học phần thay thế: 06 tín chỉ	Bắt buộc	0
		Tự chọn	06
Tổng số: 126 TC			

2. Danh sách và mô tả các học phần

STT	Mã HP	Tên HP (số tín chỉ)	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
A. KHỐI KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG				
I. Kiến thức về lý luận chính trị				
1	196055	Triết học Mác-Lênin (3 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Gồm 3 chương : Chương 1: Trình bày khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội. Chương 2: Trình bày quan điểm của triết học Mác – Lênin về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; lý luận nhận thức. Chương 3: Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và triết học về con người.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học nắm vững lý luận triết học Mác – Lênin, trên cơ sở đó xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng lý luận đó để nhận thức và cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i>, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p>[2]. Bộ Giáo dục & ĐT (2015), <i>Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh)</i>, Nxb CTQG.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Nguyễn Ngọc Long - Nguyễn Hữu Vui (2005), <i>Giáo trình triết học Mác-LêNin</i> (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng), NXB CTQG.</p> <p>[2]. Nguyễn Hữu Vui (1997), <i>Lịch sử triết học</i>, NXB CTQG.</p>
2	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần gồm: Nội dung học phần bao gồm 6 chương: Trong đó chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>, (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận</p>

3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tin chi)	<p>Nội dung học phần gồm: Học phần có 7 chương, cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học: xác định đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXH; sự mệnh lịch sử của giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.</p> <p>Nâng lực đạt được: Người học có được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác – Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cảnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p>Nâng lực đạt được: Người học biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo; Vận dụng các vấn đề lý luận đã học để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.</p>
			<p>chính trị) (2021) NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p>[2]. Bộ Giáo dục & ĐT (2004), <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>, NXB CTQG.</p> <p>Tại hiệu tham khảo:</p> <p>[1]. Văn kiện đảng tập tập tập: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 (2002, 2002, 1999, 1999, 2002, 2000, 2000, 2000, 2000, 2001, 2001, 2001), NXB CTQG.</p>
			<p>Tại hiệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> (dành cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị) (2021), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p>Tại hiệu tham khảo:</p> <p>[1]. <i>Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB CTQG, 2015.</p> <p>[2]. <i>Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học</i>: Dùng trong các trường ĐH, CĐ/ Bộ giáo dục đào tạo H: CTQG,</p>

			thức về chủ nghĩa xã hội vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Sinh viên lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	2008
4	198030	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)	<p>Nội dung của học phần: Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam bao gồm 3 chương và chương nhập môn. Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam. Chương 1: Đảng cộng sản Việt nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 -1975). Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới đất nước (1975- đến nay).</p> <p>Năng lực đạt được: Người học nắm vững về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam; vai trò lãnh đạo của Đảng đối với đối với tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời đến nay. Xác lập được niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Từ đó thấy được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong công cuộc đổi mới đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Bộ GD&ĐT (2021), <i>Lịch sử Đảng CSVN</i>, Nxb CTQGST.</p> <p>[2]. Bộ GD&ĐT (2006), <i>Lịch sử Đảng CSVN</i>, Nxb CTQG.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Bộ GD&ĐT (2007), <i>Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tập I,II,III</i>, Nxb CTQG.</p> <p>[2]. Văn kiện Đảng toàn tập tập tập: I,II,III,IV,V,VI,VII,VIII,IX,X,XI,XII,XIII (2002,2002,1999,1999,2002,2000,2000,2000,2001,2001, 2001, 2001) NXB CTQG.</p>
5	197035	Tư tưởng Hồ	Nội dung học phần: Gồm 6 chương: Chương 1,	Tài liệu bắt buộc:

<p>2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học</p> <p>Năng lực đạt được: Người học hiểu đúng hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Từ đó hình thành cho người học năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác để rèn luyện và hoàn thiện bản thân trên lập trường quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; biết vận dụng kiến thức đã học để lý giải, đánh giá đúng đắn các hiện tượng xã hội, qua đó thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo đất nước của Đảng cộng sản Việt Nam.</p>	<p>Nội dung học phần gồm: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Để đạt được mục tiêu đó, nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp những kiến thức pháp lý cơ bản luật một số ngành luật gồm: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được</p>
<p>[1]. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>. Nxb Chính trị quốc gia sự thật</p> <p>Tại hiệu tham khảo:</p> <p>[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dự thảo)</i></p> <p>[2]. Hồ Chí Minh (2016), <i>Biên niên tiêu sự (10 tập)</i>, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.</p> <p>[3]. Hồ Chí Minh (2011), <i>Toàn tập</i>, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.</p> <p>[4]. Võ Nguyên Giáp (2008), <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam</i>, Nxb Chính trị quốc gia.</p>	<p>Tại hiệu tham khảo:</p> <p>[1]. Lê Văn Minh (chủ biên), (2016), <i>Pháp luật đại cương</i>, Nxb Lao động (Quyển 1).</p> <p>Tại hiệu tham khảo:</p> <p>[1]. Lê Minh Toàn (chủ biên), (2012), <i>Giáo trình pháp luật đại cương</i>, Nxb Chính trị Quốc gia (Quyển 1).</p> <p>[2]. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Doan, (2015), <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>, Nxb Công an nhân dân (Quyển 2).</p>
<p>Chí Minh (2 tín chỉ)</p>	<p>Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)</p>
	<p>197030</p>
<p>6</p>	

			<p>kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư;</p> <p>phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hằng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỉ luật học đường, kỉ cương xã hội.</p>	
II. Kiến thức Tin- Khoa học xã hội- Môi trường				
7	173080	Tin học (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phân: Các kiến thức cơ bản về thông tin và xử lý thông tin, cấu trúc chung của máy tính, biểu diễn thông tin trong máy tính. Các khái niệm về dữ liệu, phần cứng, phần mềm, hệ điều hành, mạng máy tính, Internet và virus máy tính. Tìm kiếm và khai thác, sử dụng tài nguyên thông tin trên máy tính và trên Internet. Sử dụng các phần mềm soạn thảo văn bản Word, phần mềm xử lý bảng tính Excel và phần mềm trình chiếu Powerpoint.</p> <p>Năng lực đạt được: sinh viên sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: 1- Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang, <i>Giáo trình tin học cơ sở</i>, NXB TT&TT, 2015.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1] Lê Thị Hồng (CB) – Phạm Thế Anh - Phạm Thị Hồng (2010), <i>Tin học căn bản</i>, NXB KH&KT. [2] Hàn Viết Thuận (2007), <i>Giáo trình Tin học đại cương</i>, NXB ĐHQTKD.</p>
8	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	<p>Nội dung học phân gồm: Những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; phân vùng</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1] Trần Ngọc Thêm (2000), <i>Cơ sở văn hoá VN</i>, Nxb</p>

<p>(2 tin chi)</p>	<p>Môi trường và con người (2 tin chi)</p>	<p>9</p>	<p>118011</p>	<p>văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam. [1] Trần Quốc Vương (2002), <i>Cơ sở văn hoá VN</i>, NXB Giáo dục [2] Đào Duy Anh (2002), <i>Việt Nam văn hóa sử cương</i>, NXB Văn hóa thông tin [3] Phan Kế Bính (1999), <i>Việt Nam phong tục</i>, NXB Văn học</p>	<p>Nội dung học phần: Khái niệm, phân loại môi trường; các vấn đề về tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; thực trạng, nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước,... trên thế giới cũng như ở Việt Nam; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; các vấn đề về an toàn lao động trong sản xuất và cuộc sống. Năng lực đạt được: Sinh viên biết phát hiện và giải quyết tốt các tình huống sinh thái, môi trường trong cuộc sống; tính toán, phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá một cách định tính và định</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). <i>Giáo trình Môi trường và con người</i>. NXB GD Tài liệu bắt buộc: [1] Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan(2011), <i>Giáo trình môi trường và con người</i>, NXB. Giáo dục, Hà Nội. [2] Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH 13 [3] Mai Đình Yên (chủ biên) (1997): <i>Môi trường và con người</i>, NXB. Giáo dục, Hà Nội.</p>
--------------------	--	----------	---------------	---	--

			lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và BVMT; xây dựng được kế hoạch và thực hiện tốt các kỹ năng về vệ sinh và an toàn lao động.	
10	125016	Thống kê xã hội (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Nắm vững những kiến thức lý thuyết thống kê và liên hệ với thực tiễn đời sống. Biết sử dụng và lựa chọn các phương pháp trong thống kê xã hội (điều tra, thu thập số liệu; xử lý số liệu; phân tích) áp dụng trong các công việc cụ thể và giải thích kết quả điều tra một cách rõ ràng, chính xác.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên biết cách thu thập, xử lý các số liệu sơ cấp, thứ cấp (lập các công thức tính toán, đưa ra bảng kết quả) và cung cấp thông tin về điều tra xã hội cho các cấp, các ngành liên quan. Ngoài ra sinh viên còn có kỹ năng phân tích thực hành những thông tin kinh tế - xã hội để hiểu rõ bản chất và quy luật của các hiện tượng kinh tế - xã hội.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. PGS.TS Trần Thị Kim Thu (2012), Giáo trình Lý thuyết thống kê, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Nguyễn Ngọc Cương, <i>Thống kê Xã hội học</i>, NXBGD 2002. [2]. PGS.TS Bùi Xuân Phong (2002), <i>Thống kê và ứng dụng</i>. Nxb Thống kê</p>
11	123240	Xã hội học đại ương (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Xã hội học đại cương gồm: Đối tượng, chức năng, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học, một số khái niệm quan trọng trong xã hội học: tương tác xã hội, hành động xã hội, thiết chế xã hội, nhóm xã hội, xã hội hóa, di động xã hội, phân tầng xã hội, biến đổi xã hội..., phương pháp nghiên cứu cơ bản của xã hội học, mối quan hệ của xã hội học với các ngành khoa học khác.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên nhận diện, phân tích được các quy luật của sự nảy sinh, biến đổi</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng (đồng chủ biên) (2008), <i>Xã hội học</i>, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Lê Ngọc Hùng (2001), <i>Lý thuyết và lịch sử xã hội học</i>, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội. [2]. Nguyễn Sinh Huy (2008), <i>Xã hội học đại cương</i>, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.</p>

				<p>và phát triển của các sự kiện, hiện tượng xã hội, hành vi con người trong mối quan hệ với xã hội.</p> <p>Nội dung học phần: Cung cấp cho SV các kiến thức cơ bản về chữ Hán chữ Nôm; sử du nhập, sử dụng chữ Hán ở Việt Nam; văn học viết bằng chữ Hán, chữ Nôm trong tiến trình văn học dân tộc; các bài tập ứng dụng thực hành.</p> <p>Năng lực đạt được: HP trang bị cho SV kỹ năng viết thành thạo, phiên âm, chú thích, dịch nghĩa các văn bản Hán văn đơn giản; kỹ năng phân tích các kiến thức cấu trúc của chữ Hán để vận dụng trong việc đọc các loại văn bản Hán nôm; khả năng phân loại, giải thích nghĩa của chữ Hán, từ Hán Việt.</p>
12	121041	Hán nôm cơ sở (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: điều kiện ra đời, và quá trình phát triển của chữ nôm, đặc điểm loại văn tự khời vuông biểu ý, tính chất ghi âm đặc biệt của chữ Nôm, cấu trúc của chữ nôm và cách đọc.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên có kỹ năng phân biệt các cách đọc âm khác nhau trong chữ Nôm, kỹ năng phân tích các kiến thức cấu trúc của chữ Nôm để vận dụng trong việc đọc các loại văn bản chữ Nôm.</p>	
13	121061	Hán nôm đại cương (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Học phần Lịch sử văn minh về điều kiện tự nhiên, dân cư, lịch sử của sự ra đời các nền văn minh trong lịch sử: Văn minh Ai Cập cổ đại, văn minh Lưỡng Hà cổ đại, văn minh Arập cổ đại, văn minh Ấn Độ cổ trung đại, văn bản chữ Nôm.</p>	
14	124195	Lịch sử văn minh thế giới (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Học phần Lịch sử văn minh về điều kiện tự nhiên, dân cư, lịch sử của sự ra đời các nền văn minh trong lịch sử: Văn minh Ai Cập cổ đại, văn minh Lưỡng Hà cổ đại, văn minh Arập cổ đại, văn minh Ấn Độ cổ trung đại, văn bản chữ Nôm.</p>	

			<p>văn minh Trung Hoa cổ trung đại, văn minh Đông Nam á cổ trung đại, văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại, văn minh Tây Âu trung đại, văn minh cận đại, văn minh nhân loại thời hiện đại. Trên nền tảng đó loài người đã đạt được những thành tựu rực rỡ về toán học, vật lý, thiên văn, hoá học, văn học, nghệ thuật, kiến trúc, điêu khắc.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên nắm có khả năng phân tích, nhận diện được các nền văn minh cổ trong lịch sử. Là kiến thức cơ bản nền tảng để phục vụ cho việc biên tập, giới thiệu, thuyết minh.</p>	<p>[2]. Almanach, <i>Những nền văn minh thế giới</i> (2015), Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.</p>
15	124115	Kiến thức địa phương Thanh Hóa (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Học phần giới thiệu khái quát về vị trí địa Lịch sử, đặc điểm về địa Lịch sử tự nhiên, dân cư, lịch sử, các di tích lịch sử - văn hoá, các nhân vật lịch sử tiêu biểu, các làng nghề thủ công truyền thống tiêu biểu, đặc điểm nền văn hoá vật chất và tinh thần của xứ Thanh...; những định hướng phát triển kinh tế, những thách thức trên bước đường hiện đại hoá, công nghiệp hoá của Thanh Hoá.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích, đánh giá được những kiến thức chung nhất của Thanh Hóa về lịch sử, địa Lịch sử, văn hoá...; giảng giải, thuyết trình được những kiến thức đại cương về Thanh Hóa.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Tập thể, (2000) Địa chí Thanh Hoá tập 1: Thanh Hoá, Nxb VHTT</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Hà Văn Tấn (1990, 1994), Lịch sử Thanh Hóa Tập 1, tập 2, Nxb KHXH, HN [2]. Lê Văn Trường (2002), Địa lý Thanh Hoá, Nxb Thanh Hoá.</p>
III. Ngoại ngữ				
16	133031	Tiếng Anh 1 (4 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần gồm: Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and</p>

<p>Paul Seligson, 2012, <i>English File-Elementary 3rd</i> Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB1)</p> <p>[2]. Nguyễn Thị Quyết, 2018, <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A (cuốn 1)</i>. Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2).</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Raymond Murphy (2013). <i>Grammar in use</i>. Ngit pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành. NXB Thời đại</p> <p>[2]. Cambridge ESOL (2011). <i>Cambridge Preliminary English Test 2</i>. Cambridge University Press</p>	<p>các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình <i>English File Elementary</i> (3rd edition) và giáo trình <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A</i>. Ngit am: Giới thiệu và luyện tập các kỹ hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA. Ngit pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yêu tố ngữ pháp như: đại từ nhân xưng, động từ "to be", danh từ, tính từ số hữu, mạo từ, động từ, tân ngữ, đại từ sở hữu, đại từ phản thân, tính từ, trạng từ, so sánh tính từ, trạng từ, giới từ, hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, be going to, tương lai đơn, hiện tại hoàn thành. Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói đơn giản về các chủ đề quen thuộc ở mức độ A2. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để quen thuộc dù có thể đối lúc vẫn còn gặp những. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết các dạng văn bản khác nhau ở trình độ tiên A2 như văn miêu tả, kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử,... Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực</p>			
--	--	--	--	--

			hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập. Người học có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong Tiếng Anh	
17	133032	Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần gồm: Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình Ngữ Pháp căn bản Tiếng Anh (Trình độ B) và English File Pre-Intermediate (3rd edition). Ngữ âm: Giới thiệu và luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA, trọng âm từ, trọng âm câu. Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như: các thì trong tiếng Anh, động từ khuyết thiếu, câu điều kiện, câu giả định, thể bị động, lời nói gián tiếp, danh động từ và động từ nguyên thể, cấu trúc used to, be used to.... Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình <i>Clive Oxenden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson, 2013. English File – Elementary 3rd Edition</i>. Oxford University Press.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói đơn giản về các</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Christina Latham –Kooeing, Clive Oxenden and Paul Seligson (2011), <i>English File. Pre-intermediate, 3rd edition</i>. Nxb Văn Hóa Thông Tin.</p> <p>[2]. Nguyễn Thị Quyết và các cộng sự (2018). <i>Ngữ pháp tiếng Anh căn bản – trình độ B</i>, Nhà xuất bản Thanh Hoá</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Raymond Murphy (2013), <i>Grammar In Use</i>. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng, 130 bài tập thực hành. NXB Thời đại.</p> <p>[2]. Cambridge ESOL (2013), Cambridge Preliminary English Test. Cambridge University Press.</p> <p>[3]. Cambridge ESOL (2014), Cambridge Preliminary English Test. Cambridge University Press.</p>

	<p>Tại hiệu bắt buộc: [1]. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2013. <i>English File-Preintermediate 3rd edition</i>. Oxford University Press. (1) [2]. Sue Ireland, Joanna Kosta. <i>Target PET</i>. Richmond Publishing. (2) Tại hiệu tham khảo: [1]. Raymond Murphy (1997), <i>Ngữ Pháp thông dụng tiếng Anh: English Grammar In Use</i>, Nhà Xuất Bản Hà Nội (3) [2]. Cambridge ESOL (2011), <i>Cambridge Preliminary English Test</i>, Cambridge University Press (4) [3]. Cambridge ESOL (2015), <i>Cambridge Preliminary English Test</i>, Cambridge University Press (5)</p>
<p>chủ đề quen thuộc ở mức độ A2. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết các dạng văn bản khác nhau ở trình độ A2 như văn miêu tả, kể chuyện, mẫu đơn, thư tin, thư điện tử,... Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập. Người học có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong Tiếng Anh.</p>	<p>Nội dung học phần gồm: Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình English File Pre-Intermediate (3rd edition) và Target PET. Từ vựng: Bộ sung hệ thống từ vựng sử dụng trong hầu hết các tình huống giao tiếp thông thường. Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình trung cấp. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình: <i>Clive Oxenden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson, 2013. English File – Pre-intermediate 3rd Edition</i>. Oxford University Press và Sue Ireland, Joanna Kosta. <i>Target PET</i>. Richmond Publishing.</p>
	Tiếng Anh 3 (3 tín chỉ)
	133033
	18

			<p>Năng lực đạt được: Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực bậc 3/6 theo KNLNNVN, có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để tạo tiền đề nghiên cứu tiếp những bậc cao hơn, có khả năng sáng tạo trong quá trình đặt kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp, có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ của mình.</p>	
IV	Giáo dục thể chất			
	191004	Giáo dục thể chất 1 (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Học phần gồm giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa môn bóng chuyền, thể dục Aerobic, bóng đá, bóng rổ, Vovinam - Việt võ đạo, chạy cự ly ngắn và nhảy xa ưỡn thân; bài tập thể dục tay không 9 động tác.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của bài tập thể dục tay không 9 động tác, chạy cự ly ngắn và môn nhảy xa ưỡn thân; tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài của các môn chạy cự ly ngắn và môn nhảy xa ưỡn thân ở các giải phong trào...</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]- Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ, <i>Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học</i>, NXB TĐTT, 2000. [2]- Nguyễn Xuân Sinh, <i>Thể dục</i>, NXB TĐTT, 2009. [3]- Nguyễn Đại Dương, <i>Giáo trình Điền Kinh</i>, NXB TĐTT, 2006.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]- Nguyễn Việt Minh, Hồ Đắc Sơn, <i>Giáo trình Bóng chuyền</i>, NXB ĐHSP, 2007. [2]- Đinh Khánh Thu, <i>Giáo trình Thể dục Aerobic</i>, NXB TĐTT, 2014. [3]- PGS.TS.Trần Đức Dũng, <i>Giáo trình Bóng Đá</i>, NXB TĐTT, 2007.</p>
	191006	Giáo dục thể chất 2 (<i>Chọn 1 trong 5 học phần</i>)		
	191031	Bóng chuyền	- Nội dung học phần: Các kỹ thuật cơ bản môn	Tài liệu bắt buộc:

			<p>bóng chuyền (từ thể chuan bi, các kỹ thuật đi chuyền, chuyền bóng đập tay trước mắt, phát bóng cao tay và đập tay trước mắt).</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (từ thể chuan bi, các kỹ thuật đi chuyền, chuyền bóng đập tay trước mắt, phát bóng cao tay trước mắt, phát bóng chuyền ở các giải phong trào.</p>	<p>[1]- Nguyễn Việt Minh, Hồ Đức Sơn, Giáo trình Bóng chuyền, NXB DHSF, 2007.</p> <p>[2]- Đinh Văn Lâm, Phạm Thế Vương, Đàm Chính Thông, Giáo trình Bóng chuyền, NXB TDTT, 2006.</p> <p>[3]. Ủy ban TDTT, Luật bóng chuyền, NXB TDTT, 2003.</p> <p>Tại hiệu tham khảo:</p> <p>[1]- Nguyễn Quang, Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyền, NXB TDTT, 2001.</p> <p>[2]- Ủy ban TDTT, Bóng chuyền bóng rổ, NXB TDTT, 1998.</p>
	191032	Thể dục Aerobic (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình trong kết cấu Aerobic</p> <p>đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dantsports, bài liên kết Aerobic Dantsports không có nhạc.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên thực hiện được các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, thấp, đập, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dantsports, bài liên kết Aerobic Dantsports không có nhạc và có nhạc.</p>	<p>Tại hiệu bắt buộc:</p> <p>[1]- Đinh Khánh Thu, Giáo trình Thể dục Aerobic, NXB TDTT, 2014.</p> <p>[2]- Liên đoàn Thể dục quốc tế, Thể dục Aerobic chu kỳ 2013-2016, 2013.</p> <p>[1]- Nguyễn Xuân Sinh, Thể dục, NXB TDTT, 2009.</p>
	191033	Bóng đá (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Các bài tập chiến thuật tấn công, phòng thủ trong thi đấu Bóng đá, luật bóng đá (Sân 11 người, 7 người, 5 người). Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu và trọng tài.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá (đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong, mu ngoài, mu chình diện, mu lai ma.); tổ chức tập luyện, hình</p>	<p>Tại hiệu bắt buộc:</p> <p>[1]- PGS.TS. Trần Đức Dũng, Giáo trình Bóng Đá, NXB TDTT, 2007.</p> <p>[2]- Ủy ban TDTT, Luật Bóng đá 11 người, 7 người, 5 người.</p> <p>[3]- TS. Phạm Quang, Giáo trình Bóng đá, NXB DHSF, 2004.</p> <p>Tại hiệu tham khảo:</p>

			thức tập luyện, các bài tập chiến thuật áp dụng vào tập luyện và thi đấu; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng đá phong trào.	[1]- TS. Phạm Quang, Nguyễn Thiệt Tình và cộng sự, <i>Huấn luyện Bóng đá trình độ A; B; C</i> , NXB TĐTT, 2000. [2]- Đĩa (VCD) MILO, <i>Một số bài tập Bóng đá</i> (Thư viện ĐH Hồng Đức), 2004.
191034	Bóng rổ (2 tín chỉ)	- <i>Nội dung học phần</i> : Các kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (các kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật dẫn bóng, chuyền bóng bằng 1 tay, 2 tay). Các kỹ thuật tại chỗ ném rổ tựa bảng bằng 1 tay trên cao, kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ bằng 1 tay trên cao; kỹ thuật móc xuôi, móc ngược trong bóng rổ. - <i>Năng lực đạt được</i> : Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ; kỹ thuật dẫn bóng nhanh bằng 1 tay, 2 tay; kỹ thuật tại chỗ ném rổ bằng 1 tay trên cao; kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng 1 tay trên cao; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng rổ phong trào.	Tài liệu bắt buộc: [1]- Nguyễn Văn Trung; Nguyễn Quốc Quân; Phạm Văn Thảo, <i>Giáo trình bóng rổ</i> , NXB TĐTT, 2002. [2]- Nguyễn Tùng, <i>Giáo trình bóng rổ dành cho sinh viên Cao đẳng TĐTT</i> , 2003. Tài liệu tham khảo: [1]- Ủy ban thể dục thể thao, <i>Luật bóng rổ</i> , 2015.	
191035	Vovinam-Việt võ đạo (2 tín chỉ)	- <i>Nội dung học phần</i> : Các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam, từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam. - <i>Năng lực đạt được</i> : Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam (trú thể chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chào mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng	Tài liệu bắt buộc: [1]- Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu và các cộng sự, <i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD) tập 1</i> , NXB TĐTT, 2008. [2]- Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu và các cộng sự, <i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD) tập 2</i> , NXB TĐTT, 2011. Tài liệu tham khảo: [1]- Nguyễn Chánh Tứ, <i>Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-</i>	

<p>như các đơn đàm và đơn đá; nghiên pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam); có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải Vovinam phòng trào.</p> <p>[2]- Võ sư Trung Quang An, Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt Vô đạo (song ngữ), NXB KIEV, 1998.</p>	<p>V</p>	<p>Giáo dục quốc phòng (165 tiết)</p>
<p>Nội dung học phần:</p> <p>Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gần kết kinh tế - xã hội với quốc tế và an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên (SV) nâng cao ý thức trách nhiệm công dân đối với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.</p> <p>Năng lực đạt được:</p> <p>+ Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</p> <p>+ Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng và bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gần với trách nhiệm ban thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và</p> <p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục.</p> <p>Học liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII. Văn phòng Trung ương Đảng.</p> <p>[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019. Giáo trình Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, Nxb Giáo dục Việt Nam</p> <p>[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014. Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh, Nxb. Giáo dục Việt Nam.</p>	<p>Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam (3 đvht)</p>	<p>Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam (3 đvht)</p>

			<p>tham gia các phong trào hành động cách mạng. + Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.</p>	
		<p>Công tác quốc phòng và an ninh (2 đvht)</p>	<p>Nội dung học phân: Học phân cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.</p> <p>Năng lực đạt được: + Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay + Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Bộ giáo dục và Đào tạo, 2010. <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1</i>, Nxb. Giáo dục. [2]. Bộ giáo dục và Đào tạo, 2012. <i>Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Bộ Giáo dục và đào tạo, 2017 và 2020. <i>Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh</i>, 2017, 2020. [2]. <i>Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh</i>, Nxb. Giáo dục.</p>

	<p>phong trao hành động cách mạng. + Phát huy và đề cao tách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhân thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.</p>			
<p>Nội dung học phần: Nội dung học phần quan sự chung: trang bị cho sinh viên năm nhất các chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bổ trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Thành thạo về điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự, biết cách phòng tránh địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao. Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Biết vận dụng linh hoạt nội dung các bài học vào trong học tập và công tác. Năng lực đạt được: Có khả năng vận dụng các chế độ trong ngày, trong tuần vào trong quá trình học tập cũng như công tác sau này. Có khả năng nhận biết về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam. Thần thục cách sử dụng bản đồ. Thần thục cách phòng tránh khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao. Thần thục về quy tắc, điều lệ thi đấu ba môn</p>	<p>Học liệu bắt buộc: [1]. BGD&ĐT, 2012. <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh, tập 2</i>. NXB giáo dục Việt Nam. Học liệu tham khảo: [1]. BGD&ĐT, Vũ giáo dục quốc phòng. <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1</i> (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng). [2]. Bộ quốc phòng 2015. <i>Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam</i>. NXB Quân đội nhân dân. [3]. Bộ quốc phòng 2015. <i>Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam</i>. NXB Quân đội nhân dân.</p>	<p>Quan sự chung (2 đvht)</p>		

			quân sự phối hợp.	
		Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (4 đvht)	<p>Nội dung học phần: Nội dung học phần 4, kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật trang bị cho sinh viên thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiền công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn. Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Biết vận dụng linh hoạt nội dung các bài học vào trong học tập và công tác khi có tình huống xảy ra. Năng lực đạt được:</p>	<p>Học liệu bắt buộc: [1]. BGD&ĐT, 2012, <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2</i>, NXB giáo dục Việt Nam. Học liệu tham khảo: [2]. Bộ Tổng Tham Mưu, Cục Quân huấn, 2012, <i>Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh</i>, NXB Quân đội nhân dân Việt Nam</p>

		B. KHỐI KIẾN THỨC GIAO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		I. Kiến thức cơ sở	
	<p>Nhờ được tính năng tác dụng của súng tiêu liên AK, khái niệm về ngắm bắn, biệt cách ngắm trung, ngắm chìm vào mục tiêu cố định. Có khả năng vận dụng linh hoạt vào trong quá trình công tác sau này khi có tình huống xảy ra.</p> <p>Hiệu về cấu tạo, chuyên động và các tư thế, động tác ném lựu đạn.</p> <p>Hiệu được nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật trong chiến đấu tiên công.</p> <p>Hiệu được nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật trong chiến đấu phòng ngự.</p> <p>Hiệu được nhiệm vụ chủ yếu khi làm nhiệm vụ canh gác, canh giới.</p>				
<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Nguyễn Quang Văn (chủ biên) (2002), <i>Giáo trình Tâm lý học đại chúng</i>, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.</p> <p>[2]. Lê Văn Hồng (2001), <i>Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm</i>, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Dương Thị Thoan (Chủ biên), Phạm Thị Thu Hòa, Nguyễn Thị Hương, Nhân thức nghề nghiệp của sinh viên sư phạm Trường đại học Hồng Đức, Nxb ĐH Lao động – xã hội, 2021.</p> <p>[2]. Hoàng Anh – Nguyễn Kim Thanh (1997), <i>Giáo tiếp sư phạm</i>, Nxb Giáo dục.</p>	<p>Nội dung học phân: Học phần này bao gồm: Bàn chất, chức năng của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhân thức (nhân thức cảm tính, nhân thức lý tính); Nhân cách và sự phát triển nhân cách; Lý luận về sự phát triển trẻ em; Tâm lý học lứa tuổi học sinh THCS và THPT; Hoạt động dạy học; Hành vi đạo đức; Nhân cách người thầy giáo... Năng lực đạt được: Sinh viên nhận diện được các đặc điểm tâm lý con người nơi chung và đặc điểm tâm lý học sinh THCS và THPT nơi riêng; giải quyết được các tình huống nảy sinh trong hoạt động sư phạm, hình thành các phẩm chất và</p>	<p>Tâm lý học (4 tín chỉ)</p> <p>181080</p> <p>19</p>			

			năng lực của người giáo viên trong tương lai.	
20	182005	Giáo dục học (4 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Học phần gồm: Hệ thống những lý luận cơ bản về giáo dục học đại cương, như: đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu giáo dục học; các khái niệm của giáo dục học; vai trò của di truyền, môi trường, giáo dục và hoạt động cá nhân đối với sự hình thành, phát triển nhân cách; mục tiêu giáo dục Việt Nam và những nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường; người giáo viên; những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học, như: Khái niệm, Bản chất quá trình dạy học, nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học... ; những vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục, như: Khái niệm và bản chất QTGD, nguyên tắc và nội dung giáo dục, phương pháp và sự kết hợp các lực lượng giáo dục... đặc điểm lao động của người GVPT, các nội dung, nhiệm vụ của người GVCN.</p> <p>Năng lực đạt được: Sau khi học xong học phần người học có khả năng Xác định các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình hình thành nhân cách học sinh; Vận dụng nguyên tắc dạy học, nguyên tắc giáo dục; biết cách lựa chọn nội dung dạy học, nội dung giáo dục; lựa chọn sử dụng phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, giáo dục vào thực tiễn môn học trong bậc học mình được đào tạo; có khả năng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp và giải quyết</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Trần Thị Tuyết Oanh (2006) (chủ biên), <i>Giáo trình Giáo dục học. Tập 1,2</i>, NXBĐHSP Hà Nội</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Nguyễn Sinh Huy-Nguyễn Văn Lê (1997), <i>Giáo dục học đại cương Tập 1,2</i>, NXBGD [2]. Phạm Việt Vương (2001), <i>Giáo dục học</i>, NXBĐHQG Hà Nội [3]. Đỗ Thế Hưng (2007), <i>Tình huống dạy học môn GDH</i>, NXB ĐHSP Hà Nội</p>

		II. Kiến thức ngành	
21	198000	Quản lý HCNN và QLGD (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo cụ thể là: Bản chất, nguyên tắc tổ chức nước CHXH CN Việt Nam, Lý luận về QLHCNN và QLGD và ĐT, luật công chức, viên chức; Đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS & THPT của Bộ Giáo dục & Đào tạo.</p> <p>Năng lực đạt được: Sau khi học xong học phần người học có khả năng, vận dụng những hiểu biết về quản lý hành chính nhà nước và QLGD vào thực tiễn nghề nghiệp, khả năng vận dụng các quy định luật pháp (luật công chức, viên chức, luật GD; điều lệ GD các cấp học) vào điều kiện thực tiễn nghề nghiệp và giải quyết các tình huống thực tiễn có liên quan.</p>
22	125125	Phong pháp NCKH (2 tín chỉ)	<p>Nội dung: Học phần cung cấp những vấn đề chung về khoa học và nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học để phục vụ nhu cầu học tập và nghiên cứu của sinh viên; hướng dẫn sinh viên cách chọn đề tài, xây dựng kế hoạch nghiên cứu, đề cương nghiên cứu cho đề tài khoa học; hướng dẫn viết hoàn chỉnh các đề tài khoa học; báo cáo khoa học; cách trình bày một báo cáo NCKH.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên lựa chọn được đề các tình huống thực tiễn giáo dục.</p>
		Tại hiệu bất buộc:	<p>[1]. Phạm Việt Vương. (2006), <i>Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục & đào tạo</i>, NXB Đại học sư phạm.</p> <p>Tại hiệu tham khảo:</p> <p>[1] Quốc Hội (2008), Luật số 22/2008/QH12 ngày 13/ 11/ 2008. <i>Luật Cán bộ, công chức</i></p> <p>[2]. Quốc Hội (2008), Luật số 58/2008/QH12 ngày 15/ 11/ 2010, <i>Luật viên chức.</i></p> <p>[3] Quốc Hội (2019), Luật số 52/2019/QH14 của Quốc Hội, <i>luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức.</i></p> <p>[4] Quốc Hội (2014), Luật số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019, <i>Luật Giáo dục.</i></p> <p>[5]. Quốc Hội (2014), Nghị quyết số 88/2014/QH1 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông.</p>
		Tại hiệu bất buộc:	<p>[1]. Phạm Việt Vương (2001), <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, NXB ĐHQG HN.</p> <p>Tại hiệu tham khảo:</p> <p>[1]. Võ Cao Đàm (2012), <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, NXB ĐHQG HN.</p> <p>[2]. Nguyễn Trọng Phúc, (2011) <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học trong dạy học – học địa lý</i>, Nxb ĐHSF.</p>

			<p>tài khoa học phù hợp với khả năng nghiên cứu, xây dựng đề cương, thuyết minh nghiên cứu cho một đề tài khoa học, sử dụng các quan điểm, phương pháp nghiên cứu phù hợp, có kỹ năng tổ chức thành công việc thực hiện nghiên cứu khoa học, viết đề cương bài báo chuyên ngành và có kỹ năng trình bày bài viết trong hội nghị, hội thảo khoa học.</p>	
23	125205	Địa chất đại cương (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Học phần cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản về cấu trúc của Trái Đất, những kiến thức về khoáng vật và đá, những tác dụng địa chất nội sinh và ngoại sinh tác động lên bề mặt Trái Đất, nguồn gốc hình thành khoáng sản và những đặc điểm nổi bật của chúng; các vận động kiến tạo như vận động uốn nếp và vận động dao động hình thành bề mặt Trái Đất. Học phần còn cung cấp các kỹ năng về nhận biết đá và khoáng vật, kỹ năng xác định tuổi của các lớp đất đá, xác định các yếu tố nếp uốn, đặc điểm nếp uốn.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học biết phân chia Trái Đất thành các bộ phận, nhận biết được các loại đá và khoáng vật chính. Giải thích được sự hình thành các dạng địa hình bề mặt Trái Đất, nguồn gốc hình thành khoáng sản, xác định được tuổi tương đối và tuyệt đối của các lớp đá trong tự nhiên. Trên thực địa sinh viên xác định được các thể nằm và uốn nếp của đá, các yếu tố của nếp uốn.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Tống Duy Thanh (Chủ biên), <i>Giáo trình địa chất cơ sở</i>. Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội, 2004. [2]. Phùng Ngọc Đĩnh, <i>Địa chất đại cương và địa chất lịch sử</i>. Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội, 1998.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Trần Anh Châu, <i>Địa chất đại cương</i>. Nhà xuất bản Giáo dục 1982. [2]. Nguyễn Đăng Khoa, <i>Khoa học địa chất</i>. Nhà xuất trẻ, 2009.</p>

<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Lâm Quang Dúc (1995), <i>Bản đồ học</i>, NXB DHSP Hà Nội. [2]. K.A. Xalisp. <i>Bản đồ học</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005. [3]. Phạm Ngọc Đĩnh (Chủ biên), Hoàng Xuân Linh, Đỗ Thị Minh Tinh, Thực hành bản đồ và đo vẽ địa phương. NXB Trường DHSP Hà Nội 1, 1995. [4]. At lát địa lý Việt Nam, Nhà xuất bản Giáo dục năm 2018.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Phạm Ngọc Đĩnh (Chủ biên), Hoàng Xuân Linh, Đỗ Thị Minh Tinh, Thực hành bản đồ và đo vẽ địa phương. NXB Trường DHSP Hà Nội 1, 1995. [2]. At lát địa lý Việt Nam, Nhà xuất bản Giáo dục năm 2018.</p>	<p>Nội dung học phần: Học phần Địa lý tự nhiên đại cương (phần 1) bao gồm những nội dung cơ bản sau: Vũ trụ và các thiên thể trong vũ trụ; Hệ Mặt trời và các giả thuyết về hệ Mặt trời; Trái đất và một số đặc điểm của Trái đất; Khái niệm địa hình và nguồn gốc thành quả; Khái niệm chung về địa hình bề mặt Trái đất; Hoạt động địa mạo do dòng nước trên mặt và địa hình do chúng tạo thành; Hoạt động địa mạo của nước dưới đất; Hoạt động địa mạo của gió; Địa mạo các miền núi lồi; Địa hình miền núi; Địa hình đồng bằng và cao nguyên; Các quá trình dài mào và địa hình bờ biển; Địa hình dãy núi; Hoạt động địa mạo của nước dưới đất; Nhiệt độ và nước Mặt trời và cân bức xạ; Nhiệt độ và nước</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Nguyễn Trọng Hiếu (chủ biên), Địa lý tự nhiên đại cương 1. Nhà xuất bản DHSP Hà Nội, 2006. [2]. Nguyễn Kim Chương (Chủ biên), Nguyễn Trọng Hiếu, Lê Thị Ngọc Khanh, Đỗ Thị Nhung, Địa lý tự nhiên đại cương 3 (Giáo trình CBSP). Nhà xuất bản DHSP, Hà Nội, 2005. Tài liệu tham khảo: [1]. Tìm hiểu Trái Đất. Nguyễn Hữu Danh. Nhà xuất bản Giáo dục, 2000 [2]. Địa hình bề mặt Trái Đất. Đỗ Hùng Thanh. Nhà xuất bản Giáo dục, 2000</p>	<p>Nội dung học phần: Học phần Địa lý tự nhiên đại cương (phần 1) bao gồm những nội dung cơ bản sau: Vũ trụ và các thiên thể trong vũ trụ; Hệ Mặt trời và các giả thuyết về hệ Mặt trời; Trái đất và một số đặc điểm của Trái đất; Khái niệm địa hình và nguồn gốc thành quả; Khái niệm chung về địa hình bề mặt Trái đất; Hoạt động địa mạo do dòng nước trên mặt và địa hình do chúng tạo thành; Hoạt động địa mạo của nước dưới đất; Hoạt động địa mạo của gió; Địa mạo các miền núi lồi; Địa hình miền núi; Địa hình đồng bằng và cao nguyên; Các quá trình dài mào và địa hình bờ biển; Địa hình dãy núi; Hoạt động địa mạo của nước dưới đất; Nhiệt độ và nước Mặt trời và cân bức xạ; Nhiệt độ và nước</p>	<p>Bản đồ học đại cương (2 tín chỉ)</p>	<p>Địa lý tự nhiên đại cương (Phần 1) (3 tín chỉ)</p>	<p>125003</p>	<p>125071</p>	<p>24</p>	<p>25</p>
---	--	---	--	---	---	---------------	---------------	-----------	-----------

			<p>trong khí quyển; Khí áp và gió; Khí hậu.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học có năng lực nhận diện được các loại, kiểu địa hình và các đặc trưng cơ bản của chúng trên bề mặt đất gắn với nguồn gốc hình thành; Vẽ được các hình minh họa cho các vấn đề cần trình bày; Tính toán được giờ, đổi ngày để phục vụ cho cuộc sống thường ngày và giao dịch quốc tế đơn giản; Giải thích được các vấn đề thường ngày; biết tính toán góc nhập xạ trên bề mặt Trái Đất vào các ngày phân (Xuân phân, Thu phân) và chí (Hạ chí, Đông chí).</p>	
26	125088	Địa lý tự nhiên đại cương (Phần 2) (3 tín chỉ)	<p>Nội dung học phân: Cung cấp toàn bộ các kiến thức về đặc điểm, vai trò của nguồn nước trên Trái Đất; các loại, hình thức tồn tại và sự thay đổi của các dạng nước trên lục địa, biển và đại dương; các kiến thức về đặc điểm, tính chất, sự hình thành và phân bố các loại đất trên thế giới; Đặc điểm, tính chất, sự tích nghi của sinh vật và sự phân bố các hệ sinh thái trên Trái đất; loài người và các chủng tộc; lớp vỏ cảnh quan và các quy luật địa lý của Trái đất; những tác động của con người tới cảnh quan tự nhiên,... Các kỹ năng phân tích các bản đồ, số liệu; vẽ biểu đồ; tính toán; nhận xét và giải thích. Thông qua nội dung bài giảng và quá trình học tập, NH có khả năng vận dụng những kiến thức đó vào thực tiễn sau khi ra trường.</p> <p>Năng lực đạt được: Nhận thức được vai trò của</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Hoàng Ngọc Oanh (2006), <i>Địa lý tự nhiên đại cương</i> (tập 2), NXB ĐHSP Hà Nội.</p> <p>[2]. Nguyễn Kim Chương (Chủ biên), Nguyễn Trọng Hiếu, Lê Thị Ngọc Khanh, Đỗ Thị Nhung. <i>Địa lý tự nhiên đại cương 3</i> (Giáo trình CĐSP). Nhà xuất bản ĐHSP, Hà Nội, 2005.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Lê Bá Thảo (1983), <i>Cơ sở Địa lý tự nhiên</i> tập 2, NXBGD HN.</p> <p>[2]. Nguyễn Dược, Nguyễn Trọng Hiếu. <i>Thỏ nhưỡng và sinh quyển</i>, NXB Giáo dục, 1999.</p>

27	125013	Địa lí tự nhiên các châu lục (phần I) (3 tin chi)	<p>Nội dung học phần: Môn học cung cấp kiến thức về địa lí tự nhiên các châu lục (châu Á, châu Âu và châu Phi), các khu vực và một số quốc gia tiêu biểu: Vị trí địa lí, hình dạng và giới hạn lãnh thổ; cấu trúc địa chất – địa hình và khoáng sản; các nhân tố hình thành khí hậu và đặc điểm các đới khí hậu, đặc điểm chung về sông – hồ và các lưu vực sông lớn, các đới cảnh quan; vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở các khu vực thuộc các châu: Á, Âu, Phi.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học đạt được năng lực hiểu, phân tích, giải thích được những đặc điểm cơ bản nhất về tự nhiên của các châu lục (châu Á, châu Âu, châu Phi); danh gia được tác động của tự nhiên tới các hoạt động KT-XH; có khả năng vận dụng và giải thích những hiện tượng tự nhiên ở các miền, khu vực cụ thể.</p> <p>SV sử dụng thành thạo bản đồ, năng cao các kĩ năng vẽ và nhận xét, phân tích các biểu</p>	<p>Tại liệu bắt buộc: [1]. Nguyễn Phi Hành (2009), Giáo trình Địa lí các châu lục T1, NXB Đại học Sư phạm.</p> <p>[2]. Nguyễn Phi Hành (2008), Giáo trình Địa lí các châu lục T2, NXB Đại học Sư phạm.</p> <p>Tại liệu tham khảo: [1]. Nguyễn Phi Hành (1998), <i>Địa lí tự nhiên các lục địa (tập 1)</i>, NXB ĐHSPT.</p> <p>[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), <i>At lát địa lí thế giới</i>, NXB GD.</p>
			<p>thầy văn, thô nhùng, sinh vật tới môi trường và đời sống; có ý thức bảo vệ đồng thời lên án các hành vi gây ảnh hưởng tới môi trường; phân biệt được các dòng chảy; các hệ sinh thái trên Trái đất và sự thay đổi sinh vật khi thay đổi yếu tố môi trường; có thái độ và hành động bảo vệ tài nguyên nước, đất và sinh vật; chủ động tìm kiếm, nghiên cứu tài liệu học tập; ý thức làm việc độc lập và tập thể.</p>	

			<p>đồ, bảng số liệu thống kê về khí hậu, thủy văn, các lát cắt về địa hình...</p> <p>Thông qua nội dung và quá trình học tập, NH có ý thức về việc bảo vệ môi trường và vấn đề hợp tác quốc tế. Đặc biệt, trong thời đại hiện nay những hiểu biết về địa lí các châu lục là những kiến thức nhằm tạo thuận lợi cho việc mở rộng giao lưu, hợp tác với các nước trong phát triển KT, khoa học, giáo dục; giúp SV có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn</p>	
28	125102	Địa lí tự nhiên các châu lục (Phần 2) (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Môn học cung cấp kiến thức về: Đặc điểm tự nhiên của các châu lục (châu Mỹ, châu Nam cực và châu Đại Dương), các khu vực và quốc gia đại diện ở các châu: vị trí, hình dạng, giới hạn lãnh thổ; đặc điểm của các hợp phần địa lí tự nhiên (cấu trúc địa chất và khoáng sản, địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật; sự phân hoá của thiên nhiên); tác động của con người đến thiên nhiên các châu lục (châu Mỹ, Đại Dương, Nam Cực); vấn đề bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên ở các châu lục. Thông qua nội dung bài giảng và quá trình học tập, NH có khả năng vận dụng những kiến thức đó vào thực tiễn sau khi ra trường.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học đạt được năng lực hiểu, phân tích, giải thích được những đặc điểm cơ bản nhất về tự nhiên của các châu lục (châu Mỹ, châu Đại</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Nguyễn Phi Hạnh (2009), Giáo trình Địa lí các châu lục T1, NXB Đại học Sư phạm. [2]. Nguyễn Phi Hạnh (2008), Giáo trình Địa lí các châu lục T2, NXB Đại học Sư phạm.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Nguyễn Phi Hạnh (1998), Địa lí tự nhiên các lục địa (tập 1), NXB ĐHSP. [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), Át lát địa lí thế giới, NXB GD.</p>

	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Lê Văn Trường (2005), Địa lý kinh tế xã hội đại cương; NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên), (2007), Địa lý kinh tế - xã hội đại cương, Nhà xuất bản ĐH Sư phạm Hà Nội.</p> <p>[2]. Nguyễn Kim Hồng (2000), Dân số học đại cương, NXB Giáo dục; Hà Nội.</p>
<p>Duong, châu Nam Cực); danh gia được tác động của tự nhiên tới các hoạt động KT-XH; có khả năng vận dụng và giải thích những hiện tượng tự nhiên ở các miền, khu vực cụ thể.</p> <p>SV sử dụng thảo báo bản đồ; năng cao các kĩ năng vẽ, nhận xét, phân tích các biểu đồ, bảng số liệu thông kê về khí hậu, thủy văn, các lát cắt về địa hình...</p> <p>Người học cũng đạt được năng lực tự học, tự tìm tòi để hoàn thiện kiến thức và kĩ năng. Bồi dưỡng ý thức trách nhiệm, tình yêu đối với thiên nhiên và với những con người trên các lãnh thổ khác nhau của thế giới.</p>	<p>Nội dung học phần: Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về: các khái niệm, đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu địa lý kinh tế xã hội; các khái niệm, phân loại tài nguyên thiên nhiên và vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên trên thế giới; vấn đề môi trường và phát triển bền vững; các vấn đề về địa lý dân cư và các hình thức quản cư; các vấn đề cơ bản của địa lý xã hội (địa lý tôn giáo, chỉ số phát triển con người); cách vận dụng lý luận dạy học địa lý vào học phần địa lý kinh tế - xã hội đại cương 1.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học đạt được năng lực hiểu và phân tích, danh gia đặc điểm nổi bật về các vấn đề dân cư, kinh tế - xã hội; danh gia</p>
	<p>Địa lí kinh tế - xã hội đại cương I (3 tín chỉ)</p>
	<p>125267</p>
	<p>29</p>

			<p>được thực trạng và vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên- môi trường; thực hành các kĩ năng phân tích biểu đồ, số liệu thống kê và đọc được các bản đồ dân cư, địa lý kinh tế - xã hội; sinh viên rèn luyện được kĩ năng viết các báo cáo nhỏ; có khả năng vận dụng quan điểm duy vật biện chứng và tư duy kinh tế trong cuộc sống và công tác giảng dạy sau khi tốt nghiệp.</p>	
30	125010	Địa lí kinh tế- xã hội đại cương 2 (3 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, cơ cấu và hệ thống không gian của nền kinh tế; tìm hiểu các nhân tố và thực trạng phát triển các ngành kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ trên thế giới; các vùng kinh tế trên thế giới và ở các nhóm nước khác nhau; liên hệ với thực tiễn phát triển kinh tế- xã hội ở địa phương. Học phần cũng cung cấp các cách thức vận dụng lý luận dạy học địa lý vào học phần địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học đạt được năng lực hiểu và phân tích, đánh giá đặc điểm nổi bật về các vấn đề các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, cơ cấu và hệ thống không gian của nền kinh tế; các ngành kinh tế, các vùng kinh tế trên thế giới và ở các nhóm nước khác nhau. Người học thành thạo kỹ năng phân tích, biên tập các bản đồ địa lí chung, bản đồ chuyên đề kinh tế- xã hội để đánh giá đặc điểm nổi bật về địa lí các ngành, vùng kinh tế... Người học hoàn thiện</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên), (2007), <i>Địa lý kinh tế - xã hội đại cương</i>, Nhà xuất bản ĐH Sư phạm Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Lê Văn Trường (2005), <i>Địa lý kinh tế xã hội đại cương</i>; NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội. [2]. Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (đồng chủ biên), <i>Địa lí dịch vụ (tập 1, tập 2)</i>, (2011); NXB Đại học sư phạm, HN.</p>

			<p>được các kỹ năng tính toán phân tích số liệu, biểu đồ về địa lý các ngành, vùng kinh tế; vận dụng quan điểm duy vật biện chứng và tư duy kinh tế trong cuộc sống và công tác giảng dạy sau khi tốt nghiệp.</p>
31	125010	Địa lý kinh tế-xã hội thế giới I (4 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Học phần Địa lý kinh tế-xã hội thế giới I cung cấp những kiến thức cơ bản, có hệ thống về nguồn lực phát triển, đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội và phân bố các ngành sản xuất và dịch vụ, những vấn đề môi trường - phát triển của một số nước và khu vực châu Á và Châu Âu. Danh gia và dự báo tác động của các hoạt động kinh tế - xã hội đối với tài nguyên và môi trường các nước châu Á, châu Âu.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích, đánh giá được những đặc điểm nổi bật về tài nguyên, con người, những thuận lợi, khó khăn của các khu vực, các nước tiêu biểu ở châu Á, châu Âu; thực hành kỹ năng bản đồ, vẽ và phân tích biểu đồ nguồn lực phát triển KT- XH, biểu đồ dân cư, hiện trạng phát triển KT- XH các nước và khu vực ở châu Á, châu Âu; thực hành kỹ năng đọc, phân tích tranh ảnh, viết báo cáo nhỏ về thiên nhiên, con người, kinh tế nổi bật của các nước và khu vực châu Á, châu Âu.</p>
32	125059	Địa lý KT-XH thế giới 2 (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Học phần Địa lý kinh tế-xã hội thế giới 2 cung cấp những kiến thức cơ bản, có hệ thống về nguồn lực phát triển, đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội và phân bố các ngành</p>

Tại hiệu bất buộc: Học phần Địa lý kinh tế-xã hội thế giới I (2008); Địa lý kinh tế-xã hội châu Âu, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
[1]. Bùi Thị Hải Yến (2008); *Địa lý kinh tế-xã hội châu Âu*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
[2]. Bùi Thị Hải Yến (2009); *Địa lý kinh tế-xã hội châu Á*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
Tại hiệu tham khảo:
[1]. Bùi Thị Hải Yến (2012); *Địa lý kinh tế-xã hội thế giới*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
[2]. Đặng Hoàng Linh (2016), *Giáo trình Địa- kinh tế*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

Tại hiệu bất buộc: Học phần Địa lý kinh tế-xã hội thế giới 2 (2009); Địa lý kinh tế-xã hội châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

			<p>sản xuất và dịch vụ, những vấn đề môi trường - phát triển của một số nước và khu vực châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương. Đánh giá và dự báo tác động của các hoạt động kinh tế - xã hội đối với tài nguyên và môi trường các nước tiêu biểu ở châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương như Hoa Kỳ, Canada, Mêhicô, Braxin, Achentina, Cu Ba, Cộng hòa Nam Phi, Australia...</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích, đánh giá được những đặc điểm nổi bật về tài nguyên, con người, những thuận lợi, khó khăn của các khu vực, các nước tiêu biểu ở châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương; thực hành kỹ năng bản đồ, vẽ và phân tích biểu đồ nguồn lực phát triển KT-XH, biểu đồ dân cư, hiện trạng phát triển KT-XH các nước và khu vực ở châu châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương; thực hành kỹ năng đọc, phân tích tranh ảnh, viết báo cáo nhỏ về thiên nhiên, con người, kinh tế nổi bật của các nước và khu vực châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương.</p>	<p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Bùi Thị Hải Yến (2012); <i>Địa lí kinh tế- xã hội thế giới</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.</p> <p>[2] Đặng Hoàng Linh (2016), <i>Giáo trình Địa- kinh tế</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.</p>
33	125027	Địa lý tự nhiên Việt Nam 1 (3 tín chỉ)	<p>Nội dung học phân: Học phân cung cấp những kiến thức cơ bản, chi tiết về đặc điểm tự nhiên về vị trí địa lý; đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam; vấn đề sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên – môi trường Việt Nam. Giúp sinh viên biết vận dụng kiến thức địa lý tự nhiên đại cương vào giải thích các hiện tượng tự nhiên của Việt Nam;</p> <p>Năng lực đạt được:</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1] Vũ Tự Lập (2004) <i>Địa lí tự nhiên Việt Nam</i>, NXB ĐH Sư phạm.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1] Đặng Duy Lợi (Chủ biên), (2012), <i>Địa lí tự nhiên Việt Nam 1</i>, NXB ĐHSP.</p> <p>[2] Lê Bá Thảo (2008), <i>Thiên nhiên Việt Nam</i>, NXBGD</p>

	<p>Người học đạt được năng lực hiểu, phân tích được những đặc điểm cơ bản nhất của tự nhiên Việt Nam; Người học nhận thức được giá trị, tầm quan trọng của các thành phần tự nhiên và vai trò của địa lí tự nhiên Việt Nam.</p> <p>Thông qua nội dung và quá trình học tập, NH có khả năng vận dụng những kiến thức đó vào thực tiễn sau khi ra trường.</p>			
<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Đặng Duy Lợi (Chủ biên), (2007), <i>Giáo trình địa lý tự nhiên Việt Nam (phần khu vực)</i>, NXB ĐHSP HN.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Vũ Tự Lập (1995), <i>Địa lý tự nhiên Việt Nam</i>, ĐHQG HN.</p> <p>[2]. Lê Bá Thảo (2006), <i>Thiên nhiên Việt Nam</i>, NXB GD.</p>	<p>Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, chi tiết về đặc điểm tự nhiên chung và đặc điểm của các thành phần địa lí tự nhiên của các miền, khu vực ở Việt Nam; người học nắm được các kĩ năng quan sát, phân tích, tổng hợp đặc điểm của các thành phần tự nhiên ở mỗi miền, khu vực địa lí tự nhiên để đưa ra những nhận xét và đánh giá khách quan về tiềm năng, thuận lợi, khó khăn của tự nhiên đối với phát triển KT-XH và BVMT. Thông qua nội dung bài giảng và quá trình học tập, NH có khả năng vận dụng những kiến thức đó vào thực tiễn sau khi ra trường.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học nhận thức được giá trị, tầm quan trọng của các thành phần tự</p>	<p>Địa lý tự nhiên Việt Nam 2 (2 tín chỉ)</p>	<p>125047</p>	<p>34</p>

			nhiên ở mỗi miền, khu vực tự nhiên của Việt Nam; đánh giá được tác động tự nhiên tới các hoạt động KT-XH và BVMT; có khả năng vận dụng và giải thích những hiện tượng tự nhiên ở các miền, khu vực cụ thể.	
35	125069	Địa lý KT-XH Việt Nam (Phần khái quát) (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Học phần cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của địa lí KT - XH, đặc điểm KT - XH Việt Nam và các nguồn lực phát triển KT - XH Việt Nam, vị trí địa lý, môi trường và tài nguyên thiên nhiên, những vấn đề địa lý dân cư (dân cư, lao động, dân tộc, sự phân bố dân cư và quần cư; chất lượng cuộc sống).</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích, đánh giá được những thuận lợi, khó khăn của các nguồn lực đối với sự phát triển kinh tế-xã hội về vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên, dân cư, lao động, môi trường phát triển kinh tế-XH. Đọc và phân tích bản đồ địa lí tài nguyên, môi trường và dân cư Việt Nam; vẽ và phân tích biểu đồ địa lí tài nguyên, môi trường và dân cư Việt Nam.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Đỗ Thị Minh Đức; Nguyễn Việt Thịnh, 2005, <i>Giáo trình Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam - Tập 1: Phần đại cương</i>, NXB giáo dục Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Lê Thông (Chủ biên), 2005, <i>Địa lý KT-XH Việt Nam</i>, NXB ĐHSP Hà Nội. [2]. Tổng cục thống kê, Niên giám thống kê Việt Nam (hàng năm), NXB Thống kê.</p>
36	125033	Địa lý các ngành kinh tế Việt Nam. (3 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Môn học cung cấp những kiến thức về: vai trò, đặc điểm, các điều kiện phát triển của các ngành kinh tế ở Việt Nam; đặc điểm và xu thế phát triển của các ngành; đặc điểm tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế của Việt Nam bao gồm: nông - lâm - thủy sản; công nghiệp - xây dựng; các ngành thuộc lĩnh vực dịch vụ: giao</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. GS,TS Lê Thông (chủ biên) 2011, <i>Địa lí KT-XH Việt Nam</i>, Nhà xuất bản Đại học sư phạm, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Đỗ Thị Minh Đức (chủ biên), <i>Giáo trình Địa lí KTXH Việt Nam (tập 1)</i>, 2011, Nhà xb đại học sư phạm, Hà Nội.</p>

37	125084	Địa lý các vùng kinh tế Việt Nam (2 tin chi)	<p>Nội dung học phần: Học phần gồm các vấn đề:</p> <p>(1). Những vấn đề chung về vùng và phân vùng: khái niệm các loại vùng kinh tế, quan niệm về vùng và hệ thống phân vùng qua các giai đoạn lịch sử ở Việt Nam; (2). Vị trí địa lý các vùng kinh tế (8 vùng kinh tế - xã hội và 4 vùng kinh tế trọng điểm), điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn, hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội, bộ khung lãnh thổ (hệ thống đô thị, giao thông), định hướng phát triển của 8 vùng kinh tế - xã hội của nước ta: vùng các ngành kinh tế ở Việt Nam.</p> <p>phù hợp để thực dạy phát triển kinh tế bên vùng</p> <p>những giải pháp mang tính hệ thống, hài hòa, kinh tế của Việt Nam; từ đó có thể xác định phát sinh trong quá trình phát triển các ngành năng. Biết nhìn nhận đúng đắn các vấn đề KTXH học, từ tìm tòi để hoàn thiện tri thức và kỹ tế xã hội. Người học cũng đạt được năng lực tự về biểu đồ, xử lý, phân tích số liệu thống kê kinh nghiệp - xây dựng, dịch vụ của Việt Nam. Biết tổ chức lãnh thổ nông - lâm - ngư nghiệp, công phân bố các ngành và phân ngành; các hình thức bộ của các ngành; hiện trạng phát triển, đặc điểm ảnh hưởng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân các ngành kinh tế; danh giá được những nhân tố lực hiệu và phân tích được vai trò, đặc điểm của thông văn tại, thương mại, du lịch.</p>
<p>[2]. Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (đồng chủ biên) (2012), Địa lí nông lâm thủy sản, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.</p>	<p>Tại hiệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Lê Thông (Chủ biên), (2011), <i>Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam</i>, DHSP HN</p> <p>Tại hiệu tham khảo:</p> <p>[2]. Lê Thông - Nguyễn Quý Thao (2012), <i>Việt Nam, các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm</i>, NXB Thế giới.</p>		

			<p>Đông Bắc, vùng Tây Bắc, vùng Đồng Bằng Sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long; (3). Khái quát về 4 vùng kinh tế trọng điểm (VKTTĐ) trong cơ cấu lãnh thổ của Việt Nam: VKTTĐPB, VKTTĐMT, VKTTĐPN, VKTTĐĐBSCL</p> <p>Năng lực đạt được: Rèn luyện kỹ năng phân tích, xử lý số liệu thống kê, biểu đồ. Thành thạo kỹ năng đọc và phân tích Atlas Địa lý. Hoàn thiện kỹ năng viết và trình bày báo cáo; kỹ năng làm việc nhóm</p>	
38	125401	Lý luận dạy học địa lí (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Học phần Lý luận dạy học Địa lí bao gồm những nội dung cơ bản sau: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu bộ môn lý luận dạy học địa lí Môn địa lí trong nhà trường phổ thông và quá trình nắm tri thức của học sinh; Việc vận dụng các quan điểm và xu thế mới vào dạy học địa lí; Các nguyên tắc, hình thức tổ chức dạy học và các kiểu tiết học địa lí; Các phương tiện và thiết bị dạy học địa lí; Bản đồ giáo khoa và các thiết bị kỹ thuật trong dạy học địa lí; Các phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học địa lí; Hồ sơ chuyên môn, kế hoạch giảng dạy, giáo án địa lí; Kiểm tra, đánh giá trong dạy học địa lí.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học có năng lực vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào giảng dạy môn Địa lí ở trường phổ thông; Xây dựng</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Nguyễn Dược-Nguyễn Trọng Phúc (2012), <i>Lý luận dạy học địa lí</i>, NXB ĐH Sư phạm.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018) <i>Chương trình giáo dục phổ thông: Chương trình tổng thể; Môn Lịch sử và Địa lí (cấp THCS); Môn Địa lí (cấp THPT)</i>.</p> <p>[2]. Mai Xuân San (2001), <i>Rèn luyện kỹ năng địa lí</i>, NXB Giáo dục.</p>

39	125023	Thực hành PPDH môn Địa lí (3 tín chỉ)	<p>được kế hoạch bài học (soạn giáo án); Thiết kế được bài giảng powerpoint và tiến hành tập giảng; Sử dụng các phương tiện và thiết bị dạy học theo hướng phát huy năng lực người học.</p> <p>Nội dung học phần: Học phần cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản về những vấn đề chung về chương trình, sách giáo khoa, hệ thống kiến thức cơ bản và hướng dẫn cụ thể phương pháp dạy học địa lí ở trường phổ thông; Các kỹ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học, phương tiện dạy học ... trong dạy học địa lí ở trường phổ thông; thiết kế một số bài giảng và tiến hành tập giảng.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học vận dụng được kiến thức để lập kế hoạch dạy học, kế hoạch học tập thường xuyên; thiết kế bài dạy bằng các PPDH tích cực, phương tiện dạy học phù hợp và tổ chức dạy học với nhiều hình thức (cả nhóm, nhóm, lớp...); có kĩ thuật trong thực hiện tiến trình bài dạy, kiểm tra, đánh giá nhận thức của người học về kiến thức, kĩ năng, thái độ. Năng lực tổ chức, tạo dựng môi trường học tập hiệu quả, biết đánh giá và có kỹ năng đánh giá học sinh theo định hướng năng lực của chương trình phổ thông mới.</p> <p>Nội dung học phần: Sinh viên sẽ tiến hành tập giảng các bài của Chương trình địa lí phổ thông (theo Chương trình giáo dục phổ thông mới), từ lớp 6 đến lớp 12 theo quy trình sau: Phổ biến</p>
39	125022	Phương pháp dạy học Địa lí (3 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Học phần cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản về những vấn đề chung về chương trình, sách giáo khoa, hệ thống kiến thức cơ bản và hướng dẫn cụ thể phương pháp dạy học địa lí ở trường phổ thông; Các kỹ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học, phương tiện dạy học ... trong dạy học địa lí ở trường phổ thông; thiết kế một số bài giảng và tiến hành tập giảng.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học vận dụng được kiến thức để lập kế hoạch dạy học, kế hoạch học tập thường xuyên; thiết kế bài dạy bằng các PPDH tích cực, phương tiện dạy học phù hợp và tổ chức dạy học với nhiều hình thức (cả nhóm, nhóm, lớp...); có kĩ thuật trong thực hiện tiến trình bài dạy, kiểm tra, đánh giá nhận thức của người học về kiến thức, kĩ năng, thái độ. Năng lực tổ chức, tạo dựng môi trường học tập hiệu quả, biết đánh giá và có kỹ năng đánh giá học sinh theo định hướng năng lực của chương trình phổ thông mới.</p> <p>Nội dung học phần: Sinh viên sẽ tiến hành tập giảng các bài của Chương trình địa lí phổ thông (theo Chương trình giáo dục phổ thông mới), từ lớp 6 đến lớp 12 theo quy trình sau: Phổ biến</p>
[1]. Lê Thông & ĐT (2007). Những vấn đề chung về đổi mới giáo dục THPT. NXB Giáo dục. [2]. Lê Thông (2019) Hướng dẫn dạy học môn Địa lí THPT theo CTGDPT mới. NXB DHSP. [3]. Phạm Hồng Tung – Nguyễn Việt Thịnh (đồng chủ biên) (2019) Hướng dẫn dạy học môn Lịch sử và Địa lí THCS theo chương trình giáo dục phổ thông mới. NXB DHSP	[1]. Lê Thông - Nguyễn Minh Tuệ (2018) Dạy học phát triển năng lực môn Địa lí THPT. NXB. DHSP [2]. Bộ GD & ĐT (2018). Chương trình tổng thể; chương trình môn Địa lí cấp THPT, THCS. [3]. Phạm Hồng Tung – Nguyễn Việt Thịnh (đồng chủ biên) (2019) Hướng dẫn dạy học môn Lịch sử và Địa lí THCS theo chương trình giáo dục phổ thông mới. NXB DHSP	[1]. Phạm Hồng Tung – Nguyễn Việt Thịnh (Đồng chủ biên). <i>Hướng dẫn dạy học môn Lịch sử và Địa lí THCS theo CTGDPT mới</i> . NXB DHSP - 2019	

			<p>các yêu cầu, sinh viên tiến hành thực hiện, nhóm cùng giáo viên tiến hành nhận xét, rút ra các kết luận sự phạm và đánh giá (thông qua phiếu đánh giá).</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng thành thạo các phương pháp, kĩ năng dạy học để thực hiện một bài học trọn vẹn trong vòng 1 tiết. Hình thành các kĩ năng dạy học như: Kĩ năng phân tích bài học, kĩ năng tổ chức lớp học, kĩ năng bao quát lớp, kĩ năng đặt câu hỏi, kĩ năng huy động sự hợp tác của học sinh...</p>	<p>[2]. Lê Thông (Chủ biên). <i>Hướng dẫn dạy học môn Địa lí THPT theo CTGDPT mới</i>. NXB ĐHSP - 2019</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Sách giáo khoa địa lí lớp 6,7,8,9,10,11,12 (Cập nhật thay sách đến thời điểm thực hiện học phần)</p> <p>[2]. Lê Thông – Nguyễn Minh Tuệ (Đồng chủ biên). <i>Dạy học phát triển năng lực môn Địa lí THPT</i>. NXB ĐHSP – 2018</p>
40	125024	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Địa lí (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Học phần cung cấp các nội dung kiến thức sau: Mục đích, nhiệm vụ của kiểm tra đánh giá trong giảng dạy Địa lí; cơ sở lý thuyết của kiểm tra, đánh giá trong giảng dạy Địa lí; các phương pháp và công cụ kiểm tra, đánh giá trong dạy học Địa lí; xử lý và phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học hiểu và vận dụng những kiến thức về kiểm tra, đánh giá năng lực môn Địa lí ở trường phổ thông để xây dựng nội dung đánh giá phù hợp cho từng bài dạy; hình thành kỹ năng thiết kế và sử dụng bài kiểm tra, đánh giá trong giảng dạy Địa lí bằng cả hình thức trực tiếp và trực tuyến.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Nguyễn Công Khanh (chủ biên). <i>Giáo trình kiểm tra đánh giá trong giáo dục</i>. NXB ĐHSP, 2017</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Sách giáo khoa địa lí lớp 6,7,8,9,10,11,12 (Cập nhật thay sách đến thời điểm thực hiện học phần)</p> <p>[2] Nguyễn Trọng Phúc. <i>Trắc nghiệm khách quan và vấn đề đánh giá trong giảng dạy Địa lý</i>. NXB ĐHSP – 2008</p>
41	125198	Thực tế địa lý tự nhiên tổng hợp (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Học phần Thực địa Địa lí tự nhiên tổng hợp là môn học cơ bản và bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Sư phạm Địa lí. Môn học giúp sinh viên biết lập kế hoạch chuẩn</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Phùng Ngọc Đĩnh, 1996, <i>Thực hành địa chất</i>, NXB ĐHQG Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p>

42	125049	Thực tế địa lí kinh tế- xã hội (2 tín chỉ)	<p>bi thực địa. Xác định được mức tiêu, nhiệm vụ và các phương pháp sử dụng khi đi thực địa. Các bước chuẩn bị đi thực địa. Dự trữ kinh phí, chuẩn bị tư trang cá nhân, tài liệu và trang thiết bị cần thiết... Vạch tuyến khảo sát thực địa các thành phần tự nhiên: địa chất, địa mạo, địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật. Trong quá trình thực hiện chuyên thực địa sẽ khảo sát các đặc điểm tự nhiên tại một số địa điểm thuộc thành phố Hải Phòng (đảo Cát Hải, Đồ Sơn...), tỉnh Quảng Ninh (Yên Tử, TP Hà Long, một vài mô than...), TP Lạng Sơn và phụ cận, viết báo cáo thực địa</p> <p>Năng lực đạt được: Giúp người học có khả năng khảo sát, nghiên cứu, viết báo cáo thu hoạch. Sinh viên tìm hiểu và mô tả được những đặc điểm địa chất - địa hình khu vực Yên Tử, TP Hà Long, TP Lạng Sơn; giải thích được sự hình thành địa hình đá vôi khu vực đồng Bằng, một số dạng địa hình, khoáng sản, tài nguyên được hình thành ở khu vực này, tài nguyên di sản thiên nhiên thế giới-Vịnh Hạ Long...; giúp tổ chức tốt các hoạt động dạy học ngoài lớp và tham quan khi dạy học địa lí tự nhiên.</p> <p>Nội dung học phần: Thực địa theo tuyến "Con đường di sản miền Trung", khảo sát, nghe báo cáo thực tế tại một số điểm, một số khu vực kinh tế nông - lâm, công nghiệp, GTVT, du lịch được lựa chọn tại một số tỉnh miền Trung : Nghệ An,</p>
<p>[1]. A.M. Berliant (Hoàng Phương Nga, Nhật Thị Xuân biên dịch), 2004, Phương pháp nghiên cứu băng bản đồ, NXB ĐHQG Hà Nội. [2]. Lê Bá Thảo, 1983, Cơ sở địa lí tự nhiên, NXB ĐHSF Hà Nội</p> <p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Lê Thông – Nguyễn Quý Thao (đồng chủ biên), 2012, Việt Nam các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm, NXB Giáo dục Việt Nam</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p>			

			<p>Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, Đà Nẵng, Quảng Nam, viết báo cáo thực địa</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích, giải thích được các kiến thức địa lí từ thực tiễn, giúp tổ chức tốt các hoạt động dạy học ngoài lớp và tham quan khi dạy học địa lí kinh tế-xã hội.</p>	<p>[1]. Lê Thông (Chủ biên), 2005, Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam, NXB ĐHSP Hà Nội,</p> <p>[2]. Lê Bá Thảo, 1998, Việt Nam lãnh thổ và các vùng địa lí, NXB Thế giới.</p>
43	125061	<p>Ứng dụng GIS trong thành lập Bản đồ giáo khoa (3 tín chỉ)</p>	<p>Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, tính chất, Yêu cầu đối với bản đồ giáo khoa, các nguyên tắc, phương pháp thiết kế và biên tập và đặc điểm của bản đồ giáo khoa. Ứng dụng GIS vào thành lập các bản đồ giáo khoa phục vụ cho giảng dạy.</p> <p>Năng lực đạt được: Học phần giúp người học vận dụng được kiến thức GIS và bản đồ giáo khoa để lập cơ sở dữ liệu và xây dựng thành hệ thống các bản đồ giáo khoa trong chương trình phổ thông. Kết quả sẽ tạo ra các bản đồ giáo khoa phù hợp với nội dung, chương trình giáo dục, đây là công cụ dạy học trực quan sinh động và mang lại hiệu quả cao.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Lâm Quang Dốc: Bản đồ giáo khoa, Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội 2012</p> <p>[2]. Phạm Thị Xuân – Nguyễn Xuân Bắc: Lý thuyết và thực hành Mapinfo Professional version 10.5, Nhà xuất bản ĐHSP TP Hồ Chí Minh, năm 2021</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Nguyễn Viết Thịnh: GIS –Map (Tập bài giảng) 1997 – 2000). ĐHSP- Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997.</p> <p>[2]. Bùi Hữu Mạnh, (2007) Hướng dẫn sử dụng Mapinfo Professional v ersion 7.0, NXB Khoa học và kỹ thuật</p>
44	125031	<p>Hệ thống thông tin địa lí (3 tín chỉ)</p>	<p>Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những nguyên lý cơ bản của GIS, những cách thức tiếp cận và ứng dụng của GIS vào quá trình sản xuất, quản lý xã hội, điều tra và quản lý tài nguyên, môi trường, nghiên cứu khoa học, giáo dục và nhiều lĩnh vực khác. Học phần cũng giới thiệu phần mềm ứng dụng GIS là Mapinfo, với các kỹ thuật ứng dụng gắn với ngành nghề đào tạo.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Phạm Thị Xuân – Nguyễn Xuân Bắc: <i>Lý thuyết và thực hành Mapinfo Professional version 10.5</i>, Nhà xuất bản ĐHSP TP Hồ Chí Minh, năm 2021</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Nguyễn Viết Thịnh: GIS –Map (Tập bài giảng) 1997 – 2000). ĐHSP- Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997.</p> <p>[2]. Phạm Trọng Mạnh, Phạm Vọng Thành. 1999. <i>Cơ sở hệ thống thông tin địa lý</i>. Trường Đại Học Kiến</p>

<p><i>Nàng lực đạt được:</i> Sinh viên vận dụng các kỹ thuật trong GIS cụ thể là sử dụng phần mềm Mapinfo xây dựng dữ liệu và biên tập, thành lập các loại bản đồ phục vụ cho giảng dạy và nghiên cứu địa lí.</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm các vấn đề cốt lõi về địa lí địa phương tỉnh Thanh Hóa, như: Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và các giá trị kinh tế; Phát triển kinh tế làng nghề; Môi trường và dân cư; Nguồn lực và thể mạnh trong phát triển kinh tế ở tỉnh Thanh Hóa; Phân vùng kinh tế, những ngành nghề kinh tế phát triển (theo vùng) ở Thanh Hóa; Những ngành nghề kinh tế truyền thống ở Thanh Hóa; Phát huy lợi thế nguồn nhân lực vùng miền để phát triển kinh tế, xã hội; Các quan điểm và phương pháp nghiên cứu địa lí địa phương; các phương pháp và nội dung khảo sát thực địa ở địa phương; các phương pháp giảng dạy địa lí địa phương</p>	<p>Địa lí địa phương Thanh Hóa (2 tín chỉ)</p>	<p>45</p>	<p><i>Tại hiệu bất buộc:</i></p> <p>[1] Lê Huỳnh, Nguyễn Minh Tuệ (2001), <i>Địa lý địa phương</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội</p> <p><i>Tại hiệu tham khảo:</i></p> <p>[1]. Tỉnh Ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh Thanh Hóa (2000), <i>Địa chí Thanh Hóa tập 1 (Địa lí và Lịch sử)</i>, tập 3 (Kinh tế). NXB Văn hóa thông tin.</p> <p>[2] Ngô Xuân Sao, Mai Thị Hồng Hải (đồng chủ biên) (2020), <i>Địa chí huyện Mường Lát</i>, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.</p>	<p><i>Nàng lực đạt được:</i> Người học đạt được năng lực hiểu và nắm vững những nội dung chính của việc nghiên cứu địa lí địa phương; biết vận dụng các quan điểm, phương pháp nghiên cứu địa lí địa phương vào lãnh thổ tỉnh Thanh Hóa; nắm vững quy trình biên soạn tài liệu, thiết kế bài giảng giảng dạy địa lí địa phương ở các trường phổ thông; biết sử dụng tốt các phương pháp giảng dạy địa lí địa phương.</p>	<p>Địa lí du lịch</p>	<p>128108</p>	<p><i>Tại hiệu bất buộc:</i></p>
<p>Trúc Hà Nội. Nhà Xuất Bản Xây Dựng. Hà Nội. 169 trang</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Tổng quan về du lịch và địa</p>	<p>125090</p>	<p>46</p>					

		VN (2 tín chỉ)	<p>lý du lịch (nhập môn, địa lý cầu du lịch, tài nguyên du lịch, tổ chức không gian và quy hoạch du lịch); thực tiễn phát triển du lịch ở Việt Nam (tài nguyên du lịch, hiện trạng phát triển du lịch Việt Nam; các vùng du lịch Việt Nam).</p> <p>Năng lực đạt được: Đánh giá được vai trò của tài nguyên du lịch Việt Nam; phân tích thực trạng phát triển du lịch trên cả nước và 7 vùng du lịch. Phân tích được các yếu tố tác động của ngành du lịch đối với kinh tế, xã hội, môi trường. Hoàn thiện kỹ năng viết báo cáo thuyết minh điểm du lịch.</p>	<p>[1]. Nguyễn Minh Tuệ - Vũ Đình Hòa (đồng chủ biên). <i>Địa lý du lịch - Cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam</i>. NXB Giáo dục Việt Nam, 2017</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Tổng cục du lịch (2016), <i>Non nước Việt Nam</i>, NXB Hà Nội.</p> <p>[2]. Trần Đức Thanh (2003), <i>Nhập môn khoa học Du lịch</i>, ĐHQG Hà Nội.7.2.2. Bùi Thị Hải Yến. <i>Tuyển điểm du lịch Việt Nam</i>. NXB Giáo dục, 2005</p>
47	125122	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học địa lí (3 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về tính năng của một số phần mềm tin học ứng dụng và các CD chuyên đề; Hướng dẫn các thao tác làm việc với các phần mềm Excel, Microsoft Powerpoint, Violet, các phần mềm hỗ trợ xử lí ảnh và đoạn video như Adobe Photoshop, HTVideo Editor,... Các đĩa CD chuyên đề như CD MICROSOFT ENCARTA ENCYCLOPEDIA, CD.PCFACT,... Môn học hướng đến hình thành kỹ năng khai thác các phần mềm và CD phục vụ cho dạy học địa lí, nâng cao năng lực sử dụng ICT cho sinh viên.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học có được những kỹ năng cơ bản về sử dụng công nghệ thông tin (ICT) trong dạy học địa lí ở trường THPT là THCS bao gồm: kỹ năng khai thác các phần mềm vi tính để thiết kế bài giảng địa lí; kỹ năng khai</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1] Phó Đức Hòa, Ngô Quang Sơn, (2008); <i>Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tích cực</i>; NXB giáo dục; Hà Nội.</p> <p>[2] Nguyễn Việt Thịnh (chủ biên), (2010), <i>Windows MS Office Internet dùng trong giảng dạy và nghiên cứu Địa lí</i>, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội, 240 trang.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Lê Huỳnh (2001), <i>Bản đồ học</i>, NXB GD HN</p> <p>[2]. Lâm Quang Đốc (2005), <i>Thành lập bản đồ kinh tế - xã hội</i>, NXB ĐHS P HN.</p>

				thác thông tin trên mạng Internet; kĩ năng thiết kế và trình diễn bài giảng điện tử,...	
			48	125123	<p>Áp dụng các phương pháp dạy học tích cực trong môn Địa lí (3 tín chỉ)</p>
			49	125124	<p>Xây dựng biểu đồ và phân tích SLTK Địa lí (3 tín chỉ)</p>
<p>thác thông tin trên mạng Internet; kĩ năng thiết kế và trình diễn bài giảng điện tử,...</p>	<p>Nội dung học phần: Học phần cung cấp một số vấn đề lí luận cơ bản về dạy và học tích cực; một số kĩ thuật và phương pháp dạy học tích cực đặc biệt chú trọng đến quy trình thực hiện; những đổi mới về chương trình, sách giáo khoa, các phương pháp dạy học tích cực trong môn địa lí ở trường phổ thông; thực hành phân tích nội dung và tiến hành dạy học một số bài cụ thể của chương trình địa lí THCS, THPT.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học vận dụng được kiến thức để lập kế hoạch dạy học; thiết kế bài giảng bằng các PPDH tích cực, các phương tiện dạy học phù hợp và tổ chức dạy học với nhiều hình thức đa dạng; có kĩ thuật trong thực hiện tiến trình bài dạy, kiểm tra, đánh giá nhận thức của HS về kiến thức, kĩ năng, thái độ.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: Học phần cung cấp một số vấn đề lí luận cơ bản về dạy và học tích cực; một số kĩ thuật và phương pháp dạy học tích cực đặc biệt chú trọng đến quy trình thực hiện; những đổi mới về chương trình, sách giáo khoa, các phương pháp dạy học tích cực trong môn địa lí ở trường phổ thông; thực hành phân tích nội dung và tiến hành dạy học một số bài cụ thể của chương trình địa lí THCS, THPT.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học vận dụng được kiến thức để lập kế hoạch dạy học; thiết kế bài giảng bằng các PPDH tích cực, các phương tiện dạy học phù hợp và tổ chức dạy học với nhiều hình thức đa dạng; có kĩ thuật trong thực hiện tiến trình bài dạy, kiểm tra, đánh giá nhận thức của HS về kiến thức, kĩ năng, thái độ.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1] Nguyễn Lăng Bình (2020) Dạy và học tích cực. Một số phương pháp và kĩ thuật dạy học. NXB DHSP. [2]. Lê Thông (2019) Hướng dẫn dạy học môn Địa lí THPT theo CTGDPT mới. NXB DHSP. THPT & DT (2007). Những vấn đề chung về đổi mới giáo dục THPT. NXB Giáo dục. [2]. Lê Thông – Nguyễn Minh Tuệ (2018) Dạy học phát triển năng lực môn Địa lí THPT. NXB. DHSP</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1] Nguyễn Việt Thịnh (chủ biên), (2010), <i>Windows MS Office Internet dùng trong giảng dạy và nghiên cứu Địa lí</i>, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội, 240 trang.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Nguyễn Trọng Phúc (1997), <i>Phương tiện thiết bị kĩ thuật trong dạy học Địa lí</i>, NXB ĐHQG Hà Nội. [2]. Lê Huỳnh (2001), <i>Bản đồ học chuyên đề</i>, NXB GD HN.</p>	

			đánh giá, tự nghiên cứu để phát triển nghề nghiệp. Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	
50	125129	Xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học Địa lí ở trường PT (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phân: Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về xây dựng kế hoạch dạy học môn Địa lí, kế hoạch bài dạy môn Địa lí THPT, THCS và tổ chức dạy học nhằm đảm bảo đặc trưng môn học, hướng tới phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh.</p> <p>Năng lực đạt được: Xây dựng được kế hoạch dạy học môn Địa lí, kế hoạch bài dạy Địa lí THPT, THCS và tổ chức hiện thực hoá kế hoạch để phù hợp với đối tượng người học và điều kiện thực tế giảng dạy của nhà trường, hướng tới mục tiêu phát triển năng lực người học.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Nguyễn Lăng Bình (2020) Dạy và học tích cực. Một số phương pháp và kĩ thuật dạy học. NXB ĐHSP.</p> <p>[2]. Lê Thông (2019) Hướng dẫn dạy học môn Địa lí THPT theo CTGDPT mới. NXB ĐHSP.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Bộ GD & ĐT (2007). Những vấn đề chung về đổi mới giáo dục THPT. NXB Giáo dục.</p> <p>[2]. Bộ GD & ĐT (2018). Chương trình tổng thể; chương trình môn Địa lí cấp THPT, THCS.</p>
51	125301	Phát triển CT môn Địa lí trong nhà trường (2 tín chỉ)	<p>Nội dung học phân: Học phân Phát triển chương trình môn Địa lí trong nhà trường phổ thông bao gồm những nội dung cơ bản sau: Những vấn đề chung về chương trình giáo dục, phát triển chương trình nhà trường, khái niệm chương trình đóng và chương trình mở, tầm quan trọng của việc phát triển chương trình môn Địa lí trong nhà trường phổ thông, cấu trúc, quy trình: phân tích bối cảnh và chương trình hiện hành, phân công công việc, xác định chuẩn kiến thức, kĩ năng môn học, thiết kế chương trình môn Địa lí trong nhà trường, thực hiện chương trình, đánh giá, điều chỉnh.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Trần Chí Bình (2014) <i>Năng lực quản lí và phát triển chương trình giáo dục ở THPT</i>. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án phát triển giáo dục THPT (Tài liệu điện tử).</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018) <i>Chương trình giáo dục phổ thông: Chương trình tổng thể; Môn Lịch sử và Địa lí (cấp THCS); Môn Địa lí (cấp THPT)</i>.</p> <p>[2]. Nguyễn Thị Kim Dung (2015) <i>Đào tạo nghiệp vụ sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề cho sinh viên</i>. NXB Đại học sư phạm.</p>

III. Kiến thức bổ trợ		
52	125302	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong môn địa lí (2 tín chỉ)
<p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có năng lực nhân diện được những yêu tố cơ bản trong các khái niệm chương trình mở và chương trình đóng; phát triển chương trình môn Địa lí trong nhà trường; nắm được quy trình phát triển chương trình môn Địa lí trong nhà trường; biết tổng hợp, phân tích, danh gia, điều chỉnh các đề xuất chương trình môn học và thiết kế được một số chủ đề/hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực người học trong điều kiện cụ thể của nhà trường.</p> <p><i>Nội dung học phần:</i> Xây dựng mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp gắn với những tình huống, bối cảnh thực tế đáp ứng chuẩn kiến thức nghề nghiệp giáo viên Địa lí THPT, THCS</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> SV có khả năng vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng của nhiều học phần, nhiều lĩnh vực để giải quyết các nhiệm vụ của hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong chương trình Địa lí THPT, THCS; phát triển năng lực tổ chức hoạt động học tập ngoài khoa; năng lực hợp tác; năng lực thu thập và xử lí thông tin và năng lực sáng tạo.</p>		
53	125303	Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội
<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần quy hoạch phát triển kinh tế xã hội gồm 3 phần chính: Phần thứ nhất là một số thuật ngữ phục vụ nghiên cứu kinh tế - xã hội (2004), Nhà Xuất bản chính trị quốc gia,</p> <p><i>Tài liệu bắt buộc:</i> [1] Ngô Doãn Vinh (Chủ biên), Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội (2004), Nhà Xuất bản chính trị quốc gia, thế giới. NXB DHSP, 2004.</p> <p>[2] Nguyễn Văn Lê, Hà Thế Truyền. Một số kinh nghiệm về giáo dục phổ thông và hướng nghiệp trên trường Giáo dục Trung học, 2015. TL điện tử</p> <p>[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tài liệu tập huấn Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường trung học. Chương trình phát triển Giáo dục Trung học, 2015. TL điện tử</p> <p>[2] Nguyễn Văn Lê, Hà Thế Truyền. Một số kinh nghiệm về giáo dục phổ thông và hướng nghiệp trên trường Giáo dục Trung học, 2015. TL điện tử</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i> CTGDPT mới. NXB DHSP, 2019</p> <p>[1]. Đinh Thị Kim Thoa (chủ biên). Hướng dẫn tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp THPT theo CTGDPT mới. NXB DHSP, 2019</p> <p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p>		

		(3 tín chỉ)	<p>chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội; phần thứ hai là phương pháp luận và phương pháp lập quy hoạch phát triển KTXH ở nước ta; phần thứ ba là giới thiệu một số quy hoạch phát triển KTXH ở Việt Nam.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học nhận thức được vai trò quy hoạch đối với phát triển KTXH; nắm vững các phương pháp; nguyên tắc, thực hiện quy hoạch phát triển KTXH.</p>	<p>Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. <i>Nghiên cứu chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam</i>. Ngô Doãn Vịnh. NXB. Chính trị Quốc gia, 2003.</p> <p>[2]. <i>Quy hoạch vùng</i>. Phạm Kim Giao. NXB. Xây dựng, 2000</p>
54	125305	QL Tài nguyên và môi trường địa phương (3 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Khái niệm về quản lý môi trường, hệ thống quản lý môi trường, phát triển bền vững...; Các tiêu chuẩn môi trường và các quy định trong bảo vệ môi trường; Các công cụ kỹ thuật, kinh tế trong quản lý môi trường: Đánh giá tác động môi trường, quy hoạch môi trường, quỹ môi trường, bồi thường thiệt hại về môi trường, phí môi trường, thuế môi trường...; Hiện trạng tài nguyên và các thành phần môi trường của tỉnh Thanh Hoá như hiện trạng tài nguyên và môi trường nước, hiện trạng tài nguyên và môi trường đất, hiện trạng môi trường không khí, hiện trạng môi trường chất thải rắn... và các giải pháp bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hoá trong thời gian tới.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học hiểu rõ các công cụ dùng trong quản lý tài nguyên môi trường như kinh tế, chính sách và chiến lược... linh hoạt sử dụng các công cụ đó khi quản lý môi trường trong phạm vi cụ thể; Nhận diện được những vấn</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>[1] Lưu Đức Hải, <i>Cẩm nang quản lý môi trường</i>, NXB Giáo dục, 2009</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1] Vũ Quyết Thắng, <i>Quy hoạch môi trường</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007.</p> <p>[2] Nguyễn Đình Hoà, <i>môi trường và phát triển bền vững</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, 2007.</p>

	<p>đề tài nghiên cứu và môi trường địa phương gặp phải, hiểu rõ các quy định về pháp luật trong quản lý môi trường.</p>			
			125304	
	<p>Nội dung học phần: Khai niệm về đô thị, khái niệm về phát triển bền vững, khái niệm về phát triển đô thị bền vững; Luợc sự phát triển đô thị; Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của đô thị; Tâm qua tròng của sự phát triển đô thị bền vững; Hệ thống các tiêu chí đánh giá đô thị phát triển bền vững; Thực trạng phát triển đô thị bền vững; Các giải pháp và định hướng phát triển đô thị bền vững ở Việt Nam.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên nhận diện được những yêu tố cơ bản trong các khái niệm về đô thị, phát triển bền vững, phát triển đô thị bền vững; Phân tích và đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của đô thị cũng như tầm qua tròng của sự phát triển đô thị bền vững; Nắm được hệ thống tiêu chí đánh giá đô thị phát triển bền vững và biết vận dụng để đánh giá được mức độ phát triển của các đô thị cụ thể.</p>	<p>Đô thị và phát triển bền vững (3 tín chỉ)</p>		55
<p>Tại liên bất buớc:</p> <p>[1]. Conférences&Seminaires, <i>Phát triển đô thị bền vững</i>, 2015, NXB tri thức.</p> <p>Tại liên tham khảo:</p> <p>[1]. Trung Quang Thao, <i>Đô thị học, những khái niệm mới</i>, NXB Xây dựng.</p> <p>[2]. Nguyễn Đăng Sơn, <i>Phuong pháp tiếp cận mới về quy hoạch và quản lí đô thị</i>, 2005, NXB Xây dựng.</p>	<p>Nội dung học phần: Môn học cung cấp kiến thức về: sự ra đời và đặc điểm của nhóm các nước đang phát triển; sự cần thiết phải lựa chọn con đường phát triển kinh tế phù hợp với các quốc gia này. Hệ thống chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng và phát triển kinh tế, phát triển bền vững của các quốc gia.</p> <p>Nội dung học phần: Môn học cung cấp kiến thức về: sự ra đời và đặc điểm của nhóm các nước đang phát triển; sự cần thiết phải lựa chọn con đường phát triển kinh tế phù hợp với các quốc gia này. Hệ thống chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng và phát triển kinh tế, phát triển bền vững của các quốc gia. Hệ thống kiến thức về các yếu tố đầu tư quốc gia.</p>	<p>Kinh tế và phát triển (3 tín chỉ)</p>	125085	56

			<p>vào trong phát triển kinh tế của một quốc gia; Nội dung của các lý thuyết và mô hình phát triển kinh tế tiêu biểu trên thế giới, tìm hiểu về mô hình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Các vấn đề nảy sinh trong quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế như: công bằng xã hội, nghèo đói, bất bình đẳng, Vai trò, đặc điểm và định hướng hướng phát triển của các ngành kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ,... trong nền kinh tế các nước đang phát triển. Những chiến lược, chính sách đổi mới nền KTXH và thành tựu phát triển KTXH của Việt Nam.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học nhận thức được vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế; nguyên tắc, bài học trong quá trình đi lên trở thành một quốc gia phát triển. Người học đạt được năng lực đánh giá; phân tích các nguồn lực và các mô hình, lý thuyết của tăng trưởng và phát triển kinh tế, hiểu rõ vai trò vị trí của các ngành kinh tế trong mục tiêu tăng trưởng, phát triển của các quốc gia; biết nhìn nhận đúng đắn các vấn đề KTXH phát sinh trong quá trình phát triển của đất nước cũng như từng địa phương, từ đó có thể xác định những giải pháp mang tính hệ thống, hài hòa, phù hợp để thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam.</p>	<p>biên) (2008), Giáo trình Kinh tế phát triển (<i>dùng cho sinh viên ngoài chuyên ngành</i>), NXB đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.</p>
IV. Thực tập/KLTN/HP thay thế:				
57	132005	Kiến tập sư phạm	<p>Nội dung học phần: Sinh viên vận dụng các kiến thức giáo dục học, tâm lý học và kiến thức</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Bộ sách giáo khoa Địa lí phổ thông mới.</p>

<p>Tại hiệu tham khảo:</p> <p>[1]. Quyết định Số 1435/QĐ-BHHĐ ngày 24 tháng 9 năm 2020, về việc ban hành Quy định kiến tập, thực tập sư phạm của Trường Đại học Hồng Đức</p> <p>[2]. Bộ sách giáo khoa, tài liệu tham khảo Địa lí phổ thông nâng cao.</p>	<p>Tại hiệu bắt buộc:</p> <p>[1]. Bộ sách giáo khoa Địa lí phổ thông mới.</p> <p>Tại hiệu tham khảo:</p> <p>[1]. Quyết định Số 1435/QĐ-BHHĐ ngày 24 tháng 9 năm 2020, về việc ban hành Quy định kiến tập, thực tập sư phạm của Trường Đại học Hồng Đức</p> <p>[2]. Bộ sách giáo khoa, tài liệu tham khảo Địa lí phổ thông nâng cao.</p>
<p>chuyên ngành Địa lí để thực hiện kiến tập sư phạm ở các trường phổ thông như: Tìm hiểu chung về trường, lớp, về các mô hình giáo dục phổ thông, về chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu của giáo dục phổ thông, về chương trình giáo dục phổ thông đang thực hiện tại trường và về các hoạt động chung của trường; tập làm giáo viên chủ nhiệm lớp, dự giờ, danh giá, rút kinh nghiệm các hoạt động giáo dục và giờ giảng trong quá trình kiến tập.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên bước đầu có được năng lực nghề nghiệp cơ bản: Xây dựng kế hoạch dạy học, quản lý lớp học; chủ nhiệm được lớp học và dạy học Địa lí, bước đầu danh giá các hoạt động cơ bản giáo dục ở bậc phổ thông.</p>	<p>Nội dung học phân: Sinh viên tìm hiểu về toàn diện thực tiễn của trường phổ thông về chức năng, nhiệm vụ của trường phổ thông, giáo viên phổ thông, về chương trình giáo dục phổ thông, công tác xã hội hóa giáo dục ở các trường phổ thông nơi sinh viên thực tập. Tham gia thực tập giảng dạy như lập kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án, dự giờ và tập giảng các tiết dạy môn Địa lí ở bậc phổ thông. Thực tập chủ nhiệm các lớp học bậc phổ thông như dự giờ chủ nhiệm, lập kế hoạch chủ nhiệm, tham gia chủ nhiệm lớp. Danh giá rút kinh nghiệm, viết báo cáo quá trình thực tập.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên có được năng lực</p>
<p>(2 tín chỉ)</p>	<p>(5 tín chỉ)</p>
<p>Thực tập sư phạm</p>	<p>125072</p>
<p>58</p>	<p></p>

			<p>nghề nghiệp của giáo viên phổ thông như: Năng lực chủ nhiệm lớp học, giảng dạy môn Địa lí, tổ chức và đánh giá được các hoạt động giáo dục cơ bản ở bậc phổ thông, hình thành nhân cách, đạo đức của nhà giáo.</p>	
59	125312	<p>Biến đổi khí hậu (3 tín chỉ)</p>	<p>Nội dung học phần: Môn học cung cấp kiến thức về: khái niệm, đặc điểm, biểu hiện của biến đổi khí hậu trên phạm vi toàn cầu và Việt Nam; các kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng; tác động của biến đổi khí hậu; ứng phó với biến đổi khí hậu và giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu trong ngành Giáo dục.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học đạt được năng lực nhớ và hiểu các khái niệm về biến đổi khí hậu và các kịch bản biến đổi khí hậu; phân tích được biểu hiện, đặc điểm, nguyên nhân của biến đổi khí hậu; phân tích và đánh giá được những tác động của biến đổi khí hậu đối với toàn cầu và Việt Nam; hiểu và vận dụng được các chiến lược và giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trong thực tiễn; phân tích và đánh giá được tác động của biến đổi khí hậu đến ngành Giáo dục và vai trò của ngành Giáo dục trong ứng phó với biến đổi khí hậu. Người học cũng đạt được năng lực tự học, tự tìm tòi để hoàn thiện tri thức và kĩ năng. Biết nhìn nhận đúng đắn về vấn đề biến đổi khí hậu trên phạm vi toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng. Từ đó vận dụng trong lĩnh vực làm việc có những giải pháp ứng phó với biến</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Đặng Duy Lợi, Đào Ngọc Hùng (2016). Giáo trình Biến đổi khí hậu, Nhà xuất bản Đại học sư phạm, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Quyết định Số 1435/QĐ-ĐHHD ngày 24 tháng 9 năm 2020, về việc ban hành Quy định kiến tập, thực tập sư phạm của Trường Đại học Hồng Đức [2]. Bộ sách giáo khoa, tài liệu tham khảo Địa lí phổ thông nâng cao.</p>

	60	125313			
	Xây dựng và sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong dạy học địa lí ở trường phổ thông. (3 tin chi)	Hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam (3 tin chi)			
đôi khi hậu phù hợp.	<p>Nội dung học phần: Hiểu sâu được về các dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan; quy trình và kĩ thuật xây dựng, sử dụng các dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan phù hợp trong dạy học địa lí; nghiên cứu sai, điển khuyết, câu nhiều lựa chọn, ghép đôi, bài tập ô chữ...; kĩ thuật sử dụng một số phần mềm công cụ để thiết kế các câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong dạy học địa lí và hoàn thiện bài kiểm tra trắc nghiệm trực tuyến.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên xây dựng, sử dụng được các dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan cho dạy học địa lí ở trường phổ thông; địa lí tự nhiên, địa lí dân cư, địa lí kinh tế; sử dụng phần mềm công cụ, bản đồ và các kênh hình để thiết kế câu hỏi trắc nghiệm khách quan và vận dụng trong dạy học địa lí phổ thông cả trực tiếp và trực tuyến.</p>	<p>Nội dung học phần: Học phần cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản về Liên kết kinh tế quốc tế; Hội nhập kinh tế quốc tế; các vấn đề về HNKTTG của Việt Nam như: Tiến trình HNKTTG của Việt Nam, tác động của HNKTTG đối với đời sống KTXH, định hướng của chiến lược HNKTTG, thách thức đặt ra trong xu hướng HNKTTQT và những thuận lợi của HNKTTG.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học đạt được năng lực hiểu, phân tích, đánh giá các điều kiện cũng</p>			
	<p>Tài liệu bắt buộc: [1] Nguyễn Trọng Phúc. <i>Trắc nghiệm khách quan và văn đề danh giá trong giảng dạy Địa lý</i>. NXB DHSP – 2008</p> <p>[2] Nguyễn Ngọc Minh – Nguyễn Đức Vũ. <i>Thiết kế bài dạy học và trắc nghiệm khách quan môn địa lí trung học phổ thông</i>. NXB Giáo dục</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Sách giáo khoa địa lí lớp 6,7,8,9,10,11,12 (Cập nhật thay sách đến thời điểm thực hiện học phần)</p> <p>[2]. Phạm Hồng Tung-Nguyễn Việt Thịnh (Đồng chủ biên). <i>Hướng dẫn dạy học môn Lịch sử và Địa lí THCS theo CTGDPT mới</i>. NXB DHSP - 2019</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Nguyễn Thị Băng, 2005, <i>Giáo trình kinh tế quốc tế</i>, NXB Tài chính.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Đảng Hữu (Chủ biên), 2001, <i>Phát triển kinh tế tri thức từ ngân quỹ công nghiệp hóa, hiện đại hóa</i>, NXB Chính trị quốc gia.</p> <p>[2]. Ông Thị Đan Thanh, 2015, <i>Địa lí kinh tế xã hội thế giới</i>, NXB DHSP.</p>			

			<p>như tác động của HNKTTG ở Việt Nam. Biết vẽ biểu đồ, xử lý, phân tích số liệu thống kê. Người học cũng đạt được năng lực tự học, tự tìm tòi để hoàn thiện tri thức và kĩ năng; từ đó có thể xác định những giải pháp mang tính hệ thống, hài hòa, phù hợp để thúc đẩy phát triển KT - XH bền vững.</p>	
62	125319	Địa lí đô thị (3 tín chỉ)	<p>Nội dung học phần: Khái niệm về đô thị, khái niệm về địa lí đô thị; Quá trình phát triển đô thị trên Thế giới và ở Việt Nam; Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển đô thị; Vai trò của đô thị trong quá trình phát triển KT - XH; Hệ thống các tiêu chí đánh giá sự phát triển của đô thị trên Thế giới và ở Việt Nam.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên nhận diện được những yếu tố cơ bản trong các khái niệm về đô thị, phát triển đô thị; Phân tích và đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của đô thị cũng như vai trò của đô thị; Nắm được hệ thống tiêu chí đánh giá sự phát triển của đô thị và biết vận dụng để đánh giá được mức độ phát triển của các đô thị cụ thể.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: [1]. Trương Quang Thao, <i>Đô thị học, những khái niệm mở đầu</i>, 2003, NXB Xây dựng.</p> <p>Tài liệu tham khảo: [1]. Đặng Thái Hoàng, <i>Lịch sử đô thị</i>, 2010, NXB Xây dựng. [2]. <i>Conferences&Seminaires, Phát triển đô thị bền vững</i>, 2015, NXB tri thức.</p>

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất		Năm thứ hai	
Học kỳ 1 (16TC)	Học kỳ 2 (18TC)	Học kỳ 1 (16TC)	Học kỳ 2 (15TC)
<p>1- Triết học Mác-Lênin (3TC)</p> <p>2- Cơ sở văn hóa Việt Nam (2TC)</p> <p>3- Môi trường và con người (2TC)</p> <p>4- Tiếng Anh 1 (4TC)</p> <p>5- Tin học (2TC)</p> <p>6- Địa lý tự nhiên đại cương (Phần 1) (3TC)</p>	<p>1- Kinh tế chính trị MLN (2TC)</p> <p>2- Xã hội học đại cương (2TC)</p> <p>3- Hán nôm cơ sở (2TC)</p> <p>4- Tiếng Anh 2 (3TC)</p> <p>5- Lịch sử văn minh thế giới (2TC)</p> <p>6- Tâm lý học (4TC)</p> <p>7- Địa lý tự nhiên đại cương (Phần 2) (3TC)</p>	<p>1- Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC)</p> <p>2- Tiếng Anh 3 (3TC)</p> <p>3- Phương pháp NCKH (Ngành Địa lý) (2TC)</p> <p>4- Pháp luật đại cương (2TC)</p> <p>5- Địa lý tự nhiên các châu lục (Phần 1) (3TC)</p> <p>6- Giáo dục học (4TC)</p>	<p>1- Lịch sử ĐCSVN (2TC)</p> <p>2- Địa tế địa lý tự nhiên tổng hợp (2TC)</p> <p>3- Tư tưởng HCM (2TC)</p> <p>4- Địa lý tự nhiên Việt Nam 1 (3TC)</p> <p>5- Địa lý tự nhiên các châu lục (phần 2) (2TC)</p> <p>6- Bản đồ học đại cương (2TC)</p> <p>7- Địa chất đại cương (2TC)</p>
Năm thứ ba		Năm thứ tư	
Học kỳ 1 (15TC)	Học kỳ 2 (17TC)	Học kỳ 1 (20TC)	Học kỳ 2 (11TC)
<p>1- Địa lý KT-XH đại cương 1 (3TC)</p> <p>2- Địa lý tự nhiên Việt Nam 2 (2TC)</p> <p>3- Địa lý KT-XH Việt Nam (Phần khái quát) (2TC)</p> <p>4- Địa lý KT-XH thế giới 1 (4TC)</p> <p>5- Kiến tập sư phạm (2TC)</p> <p>6- Lý luận dạy học địa lý (2TC)</p>	<p>1- Địa lý KT-XH đại cương 2 (3TC)</p> <p>2- Ứng dụng GIS trong thành lập Bản đồ giáo khoa (3TC)</p> <p>3- Địa lý các ngành kinh tế VN (3TC)</p> <p>4- Xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học Địa lý ở trường PT (2TC)</p> <p>5- Phương pháp dạy học Địa lý (3TC)</p> <p>6- Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học địa lý ở trường phổ thông. (3TC)</p>	<p>1- Quản lý HCNN và QLGD (2TC)</p> <p>2- Địa lý các vùng kinh tế VN (2TC)</p> <p>3- Địa lý KT-XH thế giới 2 (2TC)</p> <p>4- Địa lý địa phương (2TC)</p> <p>5- Thực tế địa lý KT-XH (2TC)</p> <p>6- Thực hành PPDH môn Địa lý (3TC)</p> <p>7- Kiểm tra đánh giá năng lực của học sinh trong môn Địa lý ở trường THPT và THCS (2TC)</p> <p>8- Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội (3TC)</p>	<p>1- Thực tập sư phạm (5TC)</p> <p>2- Biên đối khí hậu (3TC)</p> <p>3- Xây dựng và sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong dạy học địa lý ở trường phổ thông (3TC)</p>

4. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra

Tên học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT														
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO1 1	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
Triết học Mác-Lênin	2													2	2
Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2													2	2
Chủ nghĩa xã hội khoa học	2													2	2
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2													2	2
Tư tưởng Hồ Chí Minh	2													3	3
Pháp luật đại cương	2													2	2
Cơ sở văn hóa Việt Nam				2										2	2
Môi trường và con người				2										2	2
Thống kê xã hội				2										2	2
Xã hội học đại cương				2										2	2
Hán nôm cơ sở				2										2	2
Hán nôm đại cương				2										2	2
Lịch sử văn minh thế giới				2										2	2
Kiến thức địa phương (Tỉnh Thanh Hóa)				2										2	2
Tin học			2											2	2
Tiếng Anh 1		2												2	2
Tiếng Anh 2		2												2	2
Tiếng Anh 3		2												2	2
Tâm lí học					2									2	2
Giáo dục học					2									2	2
Quản lý HCNN và QLGD					2									2	2
Phương pháp NCKH (ngành Địa lí)										2				3	2

Thực hành PPDH môn Địa lí											3		2	2	
Kiểm tra đánh giá trong dạy học Địa lí											2		2	2	
Thực tế địa lý tự nhiên tổng hợp										2			3	2	
Thực tế địa lí kinh tế- xã hội										2			2	2	
Ứng dụng GIS trong thành lập Bản đồ giáo khoa										2			2	2	
Hệ thống thông tin địa lí										2			2	2	
Địa lí địa phương										2			2	2	
Địa lí du lịch VN											3		2	2	
Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học địa lí											3		2	2	
Áp dụng các phương pháp dạy học tích cực trong môn Địa lí											3		2	2	
Xây dựng biểu đồ và phân tích SLTK Địa lí												3	2	2	
Xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học Địa lí ở trường PT												2	2	1	
Phát triển CT môn Địa lí trong nhà trường										2			3	3	
Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong môn địa lí													2	2	2
Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội													2	2	2
QL Tài nguyên và môi trường địa phương															

100
100
100